



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Trụ sở chính: Km 2, Xã Vinh Quang, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 060.6554079 – 6289550 **Fax:** 060.3917598

Email: ctyduongkontum@vnn.vn **Website:** www.ktsduongkontum.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM



2015 BÁO CÁO

2015 THƯỜNG NIÊN



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông,

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Đường Kon Tum, tôi xin gửi tới Quý cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Thưa Quý vị,

Năm 2015 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu còn nhiều bất ổn, dịch bệnh và khủng bố liên tiếp xảy ra trên một số các quốc gia, nền kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm. Tuy nhiên, trong bối cảnh đầy khó khăn đó, nền kinh tế Việt Nam lại vươn lên với một mức tăng trưởng đầy kinh ngạc. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,68% so với năm 2014, cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và là mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây, trong khi đó lạm phát cơ bản bình quân năm 2015 chỉ tăng 2,05% so với năm trước, cho thấy nền kinh tế phục hồi rõ nét.

Mặc dù vậy nhưng năm 2015 không phải là một năm quá thuận lợi cho ngành mía đường trong nước. Sản lượng mía trong năm 2015 giảm so với năm 2014 nguyên nhân do tình trạng hạn hán kéo dài, đồng thời do tâm lý bấp bênh của người dân khi lựa chọn cây mía để đầu tư gieo trồng. Thực trạng trồng mía manh mún, dàn trải khiến cho người dân chuyển đổi sang loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn, ổn định hơn thay cho cây mía như sắn, cao su,.. Những điều này cùng với tốc độ đô thị hóa mạnh đã làm giảm sút diện tích trồng mía trong năm 2015. Tuy nhiên bên cạnh những khó khăn đó, năm 2015 cũng mở ra nhiều cơ hội phát triển cho ngành mía đường. Đầu năm 2015, đường dây buôn lậu đường lớn nhất khu vực biên giới Tây Nam từ Thái Lan đã bị triệt phá, cùng với đó là việc tăng giá đường sau nhiều năm tạo nên những ảnh hưởng tích cực đối với tình hình kinh doanh của Ngành nói chung và của Công ty cổ phần Đường Kon Tum nói riêng.

Trong năm 2015, nhờ có sự dự báo đúng đắn và linh hoạt cùng với sự nỗ lực, đồng lòng của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, công tác tiêu thụ năm 2015 và vụ 2015 -2016 đã đem lại những kết quả kinh doanh đầy khích lệ,

Bước sang năm 2016, với hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương được ký kết dự báo sẽ mở ra nhiều cánh cửa cơ hội nhưng cũng đem đến không ít thử thách, khó khăn cho ngành mía đường Việt Nam trong đó có Công ty cổ phần Đường Kon Tum. Bên cạnh đó, vùng nguyên liệu tại tỉnh nhà Kon Tum năm 2016 sẽ ngày càng bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa và do sự cạnh tranh khốc liệt của các loại cây trồng khác và tập quán sản xuất nhỏ lẻ, manh mún của người dân. Những điều này sẽ gây ra những tác động không mấy tích cực lên tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016. Trước những dự báo về tình hình khó khăn đó, Hội đồng quản trị cùng toàn thể Ban lãnh đạo sẽ cân nhắc đề ra những giải pháp, chiến lược linh hoạt nhằm khai thác hết năng lực hiện có, hướng đến mục tiêu tăng trưởng, phát triển ổn định và bền vững, gia tăng lợi ích lâu dài cho Quý cổ đông và đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường Kon Tum, một lần nữa xin gửi lời tri ân chân thành đến Quý vị đã ủng hộ, đồng hành cùng Công ty trong suốt thời gian qua.

Trân trọng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đặng Việt Anh

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	01
Thông tin khái quát	02
Quá trình hình thành và phát triển	03
Các giải thưởng tiêu biểu	04
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	05
Mô hình quản trị	06
Định hướng phát triển	07
Các rủi ro	08
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	09
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	10
Tổ chức và nhân sự	12
Tình hình tài chính	18
Tình hình cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu	20
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	21
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	22
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý	27
Tình hình tài chính	28
Kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 và năm 2016 - 2017	29
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
Đánh giá các mặt hoạt động của công ty	32
Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	34
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2016 và năm 2016 - 2017	35
BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY	37
Hoạt động của Hội đồng quản trị	38
Báo cáo của Ban Kiểm soát	43
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BTGD	44
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015	45

THÔNG TIN CHUNG



Tên công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Tên giao dịch Công ty cổ phần Đường Kon Tum

Tên Tiếng Anh **Kontum Sugar Joint Stock Company**

Mã cổ phiếu **KTS**

Vốn điều lệ 50.700.000.000 (Năm mươi tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn)

Trụ sở chính Km 2 Xã Vinh Quang, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Điện thoại 060.6554079 – 6289550

Fax 060.3917598

Email ctyduongkontum@vnn.vn

Website www.ktsduongkontum.vn

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3803000111 (số này đã điều chỉnh là 6100228104) cấp ngày 01/07/2008 (đã đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NĂM 1995

Công ty cổ phần Đường Kon Tum tiền thân là Công ty Mía Đường Kon Tum, hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 109032 do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/07/1995.

NĂM 2000

Công ty mía Đường Kon Tum được chuyển giao về cho Công ty Đường Quảng Ngãi và trở thành Nhà máy Đường Kon Tum trực thuộc Công ty Đường Quảng Ngãi.

NĂM 2006

Nhà máy Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Đường Kon Tum thuộc Bộ NN & PTNT theo Quyết định 2945/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 11/10/2006 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT.

NĂM 2008

Công ty Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty cổ phần Đường Kon Tum và chính thức đi vào hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 3803000111 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kon Tum cấp ngày 01/07/2008.

NĂM 2010

Chính thức niêm yết 3 triệu cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là KTS.

NĂM 2011

Niêm yết bổ sung 900.000 cổ phiếu trên HNX, tăng vốn Điều lệ từ 30 tỷ lên 39 tỷ.

NĂM 2012

Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định tăng vốn điều lệ Công ty từ 39 tỷ lên 50,7 tỷ bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

NĂM 2013

Niêm yết bổ sung 1.170.000 cổ phiếu trên HNX.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

- Cúp vàng sản phẩm dịch vụ ưu tú hội nhập WTO
- Cúp doanh nghiệp tiêu biểu ASEAN 2011
- Siêu cúp Thương hiệu mạnh và phát triển bền vững
- Cúp sản phẩm thực phẩm tốt nhất ASEAN
- Cúp thương hiệu vàng 2012
- Cúp Top 100 sản phẩm chất lượng cao
- Cúp Tôn vinh 1 trong 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2012 - 2013
- Cúp Hàng nông lâm thủy sản Việt Nam chất lượng cao



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất đường RS, đường thô, rỉ đường;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hoá chất sử dụng trong nông nghiệp;
- Mua bán nông lâm sản nguyên liệu;
- Sản xuất bao bì, sản xuất điện;
- Lắp đặt máy móc thiết bị, gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí;
- Trồng mía (mía giống và mía nguyên liệu).

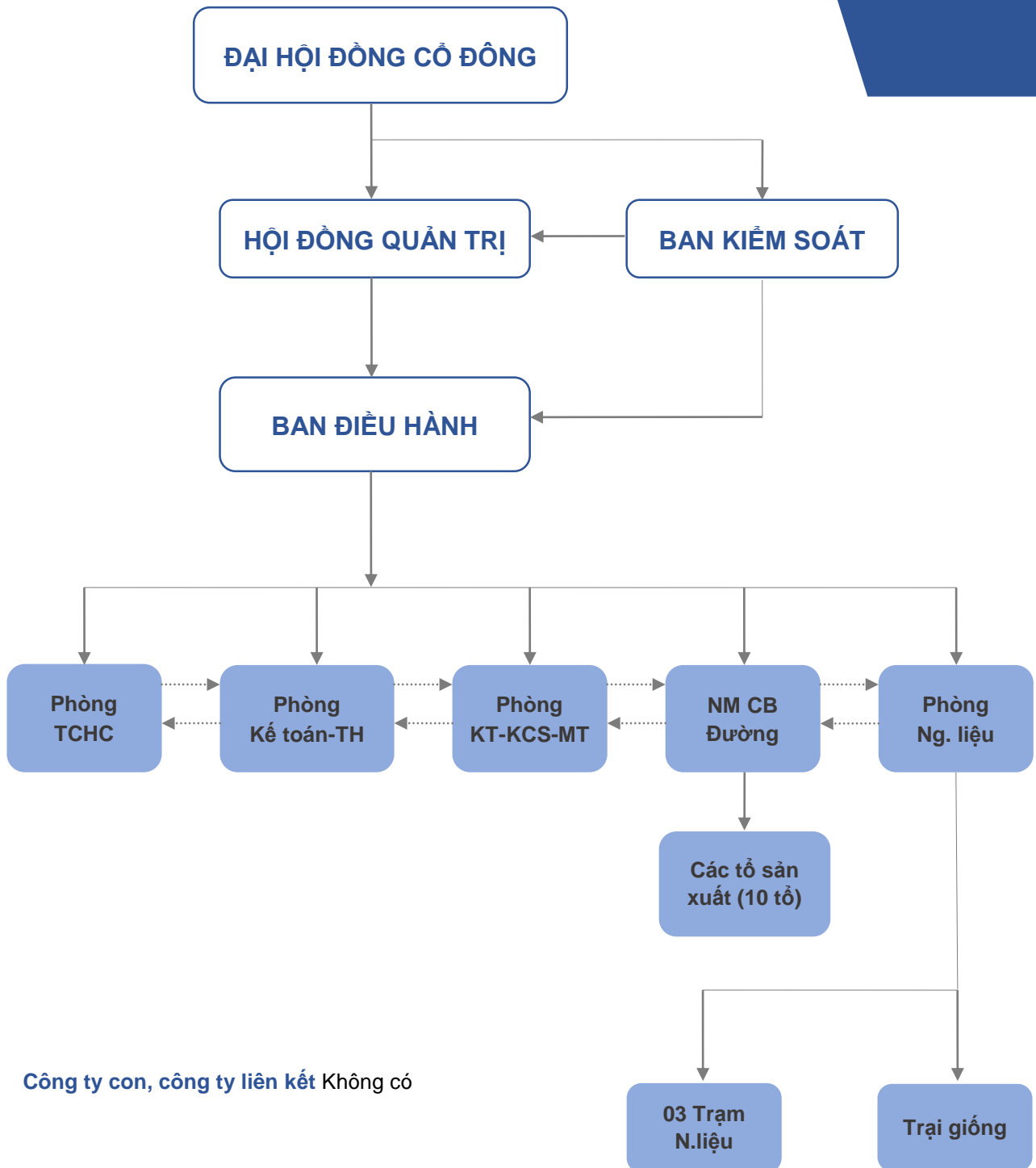


ĐỊA BÀN KINH DOANH



- Vùng nguyên liệu đầu tư thu mua tại Kon Tum và một số huyện của Gia Lai;
- Thị trường đường, mật tiêu thụ tại TP. HCM, các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên và một số tỉnh phía Bắc;
- Bã bùn và phân bón được cung cấp cho nông dân trong vùng nguyên liệu.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Công ty con, công ty liên kết Không có

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

- Khai thác hết năng suất diện tích mía đường hiện có;
- Tiếp tục đầu tư phát triển mở rộng vùng nguyên liệu;
- Chú trọng công tác phổ biến các ứng dụng kỹ thuật và phương pháp phòng chống sâu bệnh đến các hộ nông dân nhằm tăng năng suất và tăng thu nhập cho người nông dân;
- Đảm bảo thực hiện đúng quy trình vận hành nhằm đảm bảo công suất kế hoạch;
- Đào tạo và huấn luyện nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn cho người lao động;
- Duy trì và không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ thông qua các khách hàng truyền thống và thị trường tiềm năng;
- Thực hiện đồng loạt các giải pháp nhằm thực hành tiết kiệm chi phí gồm: chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, bán hàng, quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, v.v...

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

• Mục tiêu đối với môi trường

Thực hiện đầy đủ các quy định về khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên môi trường với mục tiêu hướng đến phát triển bền vững

• Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Trách nhiệm với xã hội, cộng đồng là một phần quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp. Công ty luôn chủ động hài hoà quyền lợi của doanh nghiệp với quyền lợi của Cộng đồng. Theo đó, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động từ thiện, góp sức cùng chính quyền địa phương thực hiện các chương trình xóa đói, giảm nghèo, giúp đỡ các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.



Rủi ro luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro cơ bản và mang tính hệ thống, có tác động lên hoạt động kinh doanh không chỉ đối với riêng Công ty mà cả toàn ngành. Cùng với các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực mía đường dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty cổ phần Đường Kon Tum chịu chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật An toàn thực phẩm và các quy định pháp luật khác. Các thay đổi về luật trong lĩnh vực mía đường như cấp phép đầu tư, quy hoạch vùng trồng mía, v.v... sẽ tạo ra những tác động lớn đến hoạt động của doanh nghiệp.

Rủi ro giá hàng hóa, nguyên liệu

Do hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá trị sản phẩm nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về giá nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ứng trước cho nông dân vật tư, phân bón để đầu tư vào vùng nguyên liệu mía, sau đó Công ty sẽ thu mua lại mía theo giá mía thông báo của Công ty tại thời điểm mua. Với mặt hàng phân bón, Công ty mua và cung cấp cho nông dân trồng mía, do đó giá mua và giá bán mặt hàng này xấp xỉ nhau. Với chính sách quản lý về giá trên, Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động giá hàng hóa, nguyên vật liệu ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLĐ, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...

Rủi ro đặc thù ngành

Mặc dù ngành mía đường thuộc danh mục bảo hộ của Chính phủ, song các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này đang phải đối diện với nhiều khó khăn do chính đặc thù ngành kinh doanh của mình. Với những yếu kém cố hữu về kỹ thuật, cơ giới cùng với hệ thống cơ sở hạ tầng (hệ thống tưới tiêu, đường vận chuyển, v.v...) chưa được hoàn thiện, mía đường Việt Nam đang có tỷ lệ thất thoát rất cao trong quá trình thu hoạch và vận chuyển (10-15% lượng đường so với mức 1-2% của các nước khác). Bên cạnh đó, chất lượng cây giống chưa tốt, trữ đường thấp cùng với một chính sách quy hoạch vùng nguyên liệu, hỗ trợ người nông dân chưa hợp lý là những nguyên nhân cơ bản làm giá thành sản phẩm đường tại Việt Nam luôn ở mức cao, kém cạnh tranh so với các nước khác.

Rủi ro cạnh tranh

Sức cạnh tranh thấp là mối lo lớn của nhiều nhà máy chế biến đường trong nước, là nguyên nhân chính của tình trạng nhập lậu đường từ Thái Lan với số lượng lớn và kéo dài mà chưa có biện pháp nào có thể khắc phục có hiệu quả. Bên cạnh đó, việc tham gia TPP cũng như các hiệp định thương mại khác sẽ buộc Việt Nam phải mở cửa, gỡ bỏ các hạn ngạch nhập khẩu. Ngành mía đường dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn do chi phí sản xuất cao hơn đáng kể so với các nước trong khu vực và thế giới.

Về phía mình, hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty cổ phần Đường Kon Tum đã từng bước tiến hành xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, gắn kết tương đối chặt chẽ với nhà máy thông qua hợp đồng đầu tư, bao tiêu sản phẩm, thực hiện hỗ trợ người trồng mía, v.v... Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng, để tạo được sức cạnh tranh cho ngành mía đường Việt Nam nói chung, vẫn rất cần có “bàn tay” của Nhà nước trong việc quy hoạch vùng nguyên liệu, cấu trúc lại diện tích trồng mía, nghiên cứu giống, thâm canh theo hướng hiện đại hơn.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2015, trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước có nhiều chuyển biến tích cực với tổng sản phẩm trong nước tăng 6,68% so với năm 2014, cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2014, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2015 tăng 0,63% so với bình quân năm 2014 là mức tăng thấp nhất trong 14 năm trở lại đây và lạm phát cơ bản bình quân năm 2015 thấp, chỉ tăng 2,05% so với năm trước, nhưng đối với Ngành mía đường Việt Nam, đây lại là một năm đầy khó khăn và thách thức. Sản lượng mía trong năm 2015 đạt 18,3 triệu tấn, giảm 1,5 triệu tấn so với năm liền trước đó. Nguyên nhân một phần là do tình hình hạn hán kéo dài, một phần là do quy hoạch vùng nguyên liệu thiếu tổ chức, kém khoa học dẫn đến việc thiếu đầu tư bài bản về giống mía tốt và thực trạng quy hoạch trồng mía manh mún, dàn trải khiến cho người dân chuyển đổi sang loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn, ổn định hơn. Bên cạnh đó, tình hình nhập lậu đường từ Thái Lan ngày càng khó kiểm soát. Ước tính lượng đường nhập lậu trung bình hàng năm vào khoảng 300 - 500 nghìn tấn, chiếm khoảng 30% tổng sản lượng đường sản xuất trong nước. Giá đường tại Thái Lan thường thấp hơn Việt Nam từ 1.000 – 1.500 đồng/kg, do vậy đường nhập lậu tràn về sẽ thao túng giá đường trong nước và ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ tại các nhà máy đường, dẫn tới tình trạng dư cung và đường tồn kho tăng cao trong 3 năm trở lại đây. Bên cạnh những khó khăn chung đó của thị trường, Công ty cổ phần Đường Kon Tum còn gặp những trở ngại riêng như chi phí nguyên liệu đầu vào luôn ở mức cao đặc biệt giá mua mía nguyên liệu không thể điều chỉnh giảm như ở một số Công ty đường khác. Mặc dù vậy, với sự nỗ lực không ngừng của tập thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty, năm 2015, Công ty đã đạt được những thành công nhất định trong công tác sản xuất kinh doanh.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2014	KH2015	TH2015	TH2015/ TH2014	TH/2015/ KH2015
1	Sản lượng mía qua cân(mía thô)	Tấn	148.291	180.000	175.321	118,23%	97,40%
2	Sản lượng mía sạch	Tấn	143.432	173.306	168.922	117,77%	97,47%
3	Sản lượng đường sản xuất được	Tấn	15.126	18.837	17.893	118,29%	94,99%
4	Tỷ lệ mía/đường	M/Đ	9,38	9,2	9,52	101,49%	103,48%
5	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	15.071	18.000	21.957	145,69%	121,99%
6	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	190.855	252.447	292.951	153,49%	116,04%
7	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	182.838	-	255.050	139,50%	-
8	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	8.017	-	37.901	472,76%	-
9	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Triệu đồng	265	-	2.956	1115,47%	-
10	Chi phí tài chính	Triệu đồng	2.057	-	1.926	93,63%	-
11	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	2.095	-	2.626	125,35%	-
12	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	7.980	-	13.038	163,38%	-
13	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	- 3.851	-	23.266	-	-
14	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	584	-	- 158	-	-
15	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	- 3.266	15.826	23.108	-	146,01%
16	Thuế TNDN	Triệu đồng	12	2.763	117	975,00%	4,23%
17	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	- 3.278	13.063	22.992	-	176,01%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	- 647	-	4.535	-	-
19	Cổ tức	%	-	15-20%	20%	-	-

Có thể thấy, sản lượng mía thu hoạch và sản lượng đường sản xuất được tuy tăng so với năm 2014 nhưng vẫn chưa đạt so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên sản lượng đường tiêu thụ tăng vượt trội so với năm 2014 và vượt mục tiêu đề ra. Năm 2015, sản lượng đường tiêu thụ đạt 21.957 tấn, tăng 45,69% so với năm 2014 và vượt 21,99% so với kế hoạch được giao. Cộng với việc giá đường trong năm đã có dấu hiệu tăng, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt xấp xỉ 293 tỷ đồng, tăng 53,5% so với cùng kỳ năm trước và vượt 16,04% so với mục tiêu. Tuy giá vốn hàng bán và các chi phí như chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng so với năm 2014, nhưng tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của cả năm 2015 vẫn đạt ở mức cao (23,1 tỷ đồng), vượt 46% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế chuyển từ lỗ 3,3 tỷ năm 2014 sang lãi gần 23 tỷ đồng năm 2015, vượt 76% kế hoạch. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 là 4.535 đồng.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đặng Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	14/09/1978 tại Củ Chi – TP.HCM
Số CMND	023302165 cấp ngày 25/4/2011 tại TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	<p>2006 – 2007: Công tác tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long</p> <p>2007 – 2008: Công tác tại CTCP Chứng khoán Việt Quốc</p> <p>2009 – 2010: Công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước chi nhánh khu vực phía Nam</p> <p>2006 – 2010: Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Đắk Nông</p> <p>2010 – 2011: Thành viên HĐQT CTCP XNK Lâm Thủy sản Bến tre</p> <p>05/2013 – 03/07/2015: Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum</p> <p>03/07/2015 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Kon Tum</p>
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Bến Tre; TGD Công ty CP Đầu tư Vương Quốc Việt (2010-Nay)
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ	Trần Thị Thái – Mẹ, sở hữu 152.100 cổ phần, chiếm 3% số cổ phần có quyền biểu quyết

Ông Lê Hồng Thái – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	22/12/1952 tại Thanh Hóa
Số CMND	022053076 cấp ngày 27/09/2014 tại TP. HCM
Trình độ chuyên môn	Đại học Luật
Quá trình công tác	1995 – nay: Công tác tại CTCP XNK Ngũ Cốc
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Ngũ Cốc
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ	0 cổ phần

Ông Nguyễn Xuân Minh – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	01/01/1961 tại Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh
Số CMND	025747519 cấp ngày 23/05/2013 tại TP.HCM
Địa chỉ thường trú	336/2 Phan Huy Ích, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hóa thực phẩm
Quá trình công tác	<p>04/1984 – 06/2002: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Mía đường La Ngà</p> <p>07/2002 – 06/2005: Giám đốc Nhà máy chế biến đường, Công ty Mía đường La Ngà</p> <p>07/2005 – 09/2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty Mía đường La Ngà</p> <p>10/2008 – 05/2009: Giám đốc điều hành Công ty cổ phần Mía đường NIVL, Ấn Độ</p> <p>06/2009 – 03/2011: Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Hiệp Hòa</p> <p>05/2003 – 05/2008: Thành viên HĐQT, CTCP Mía đường La Ngà</p> <p>04/2011 – 11/2012: Giám đốc dự án phát triển Công ty TNHH Kim Hà Việt</p> <p>12/2012 – 09/05/2013: Phó Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La</p> <p>10/5/2013 – 10/5/2014: Quyền Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La</p> <p>10/5/2014 – 31/12/2014: Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La</p> <p>03/07/2015 – nay: Thành viên HĐQT, TGD CTCP Đường Kon Tum</p>
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ	0 cổ phần

Ông Trần Ngọc Hiếu – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	12/10/1956 tại Hà Nội
Số CMND	022704756 cấp ngày 02/04/2001 tại TP.HCM
Địa chỉ thường trú	294 Hùng Vương, Phường 15, Quận 5, TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Kinh doanh
Quá trình công tác	<p>1976 – 1981: Thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia mặt trận chiến trường Campuchia</p> <p>1982 – nay: Chuyên ngành Kinh doanh Lương thực thực phẩm</p> <p>03/07/2015 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum</p>
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Mía đường Tuy Hòa, CTCP Mía đường Đắknông; TGD CTCP Mía đường Sơn La.
Số cổ phần nắm giữ	74.529 cổ phần chiếm 1,47% số cổ phần có quyền biểu quyết
Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ	Trần Thị Thái – Chị, sở hữu 152.100 cổ phần, chiếm 3% số cổ phần có quyền biểu quyết

Ông Lưu Minh Trinh – Thành viên Hội đồng quản trị (Xin thôi việc từ ngày 26/10/2015)

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Nhi – Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh	25/10/1964
Số CMND	0254933493 cấp ngày 21/07/2011 tại TP.HCM
Địa chỉ thường trú	128/6 Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Đại học Kế toán
Quá trình công tác	1991 – 03/2010: Lần lượt là Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng và Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị 04/2010 – 09/2013: Phó Giám đốc CTCP Thương mại – Dịch vụ Quảng Trị 11/2013 – nay: Công tác tại Công ty TNHH Kim Hà Việt 03/07/2015 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Chuyên viên Công ty TNHH Kim Hà Việt
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ	0 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Thủy – Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	13/03/1960
Số CMND	280096294 cấp ngày 04/09/2001 tại Bình Dương
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính Kế toán
Quá trình công tác	1985 – 1987: Cục Thuế Bình Dương 1987 – 2014: CTCP Đường Bình Dương 2014 – nay: Công ty TNHH Kim Hà Việt 03/07/2015 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Kế toán trưởng Công ty TNHH Kim Hà Việt
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ	0 cổ phần

Nguyễn Ngọc Hoài Phương – Thành viên Ban Kiểm soát.

Năm sinh	10/7/1976 tại Kon Tum
Số CMND	233163773 cấp ngày 11/10/2008 tại Kon Tum
Trình độ chuyên môn	Trung cấp Kinh tế
Quá trình công tác	1998 - 11/5/2008: Nhân viên phòng Kế toán, KHKDTP - Công ty Đường Kon Tum. 12/5/2008 - nay: Nhân viên phòng KHKDTP - CTCP Đường Kon Tum. Từ 7/2008 - nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Đường Kon Tum.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Kế toán trưởng Công ty TNHH Kim Hà Việt
Số cổ phần nắm giữ	1.521 cổ phần, chiếm 0,03% số cổ phần có quyền biểu quyết
Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ	0 cổ phần

THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Minh – Tổng Giám đốc

Xem SYLL thành viên Hội đồng quản trị

Ông Hồ Minh Tường – Kế toán trưởng

Năm sinh	05/06/1966 tại Bình Định
Số CMND	233041570 cấp ngày 08/10/2009 tại Kon Tum
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	12/1986 – 09/1989: Nhân viên phòng tài chính huyện Mang Yang – Tỉnh Gia Lai – Kon Tum 09/1989 – 1991: Nhân viên Phòng tài chính Ngành – Sở Tài chính vật giá Tỉnh Gia Lai – Kon Tum 1991 – 1995: Phó phòng Tài chính Ngành – Sở Tài chính vật giá Tỉnh Kon Tum 1995 – 07/2008: Kế toán trưởng Công ty Đường Kon Tum 07/2008 – nay: Kế toán trưởng CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	9.126 cổ phần chiếm 0,18% số cổ phần có quyền biểu quyết
Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ	0 cổ phần





DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN TRONG HĐQT, BKS, BAN TGD

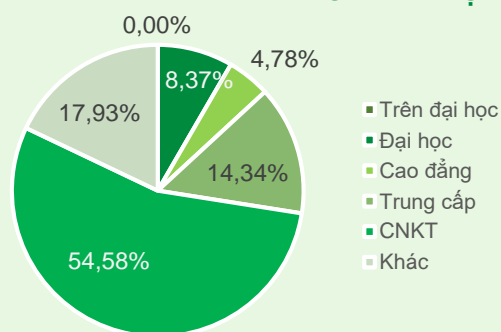
STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Lý do
1	Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	03/07/2015		ĐHĐCĐ bầu
2	Dương Thanh Hiền	Chủ tịch HĐQT	05/05/2013	03/07/2015	Thôi tham gia HĐQT do DATC thoái vốn
3	Lê Hồng Thái	Phó chủ tịch HĐQT	03/07/2015		ĐHĐCĐ bầu
4	Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	03/07/2015		ĐHĐCĐ bầu
5	Nguyễn Xuân Minh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	03/07/2015		ĐHĐCĐ bầu giữ chức danh TV HĐQT; HĐQT bổ nhiệm giữ chức TGD
6	Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	05/05/2013	03/07/2015	Thôi tham gia HĐQT do DATC thoái vốn
7	Lưu Minh Trinh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	20/05/2014	26/10/2015	Cá nhân xin thôi việc
8	Trần Thị Thái	Thành viên HĐQT	05/05/2013	03/07/2015	Cá nhân xin thôi tham gia HĐQT
9	Trần Thị Nhi	Trưởng BKS	03/07/2015		ĐHĐCĐ bầu
10	Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BKS	03/07/2015		ĐHĐCĐ bầu
11	Chu Ngọc Lâm	Trưởng BKS	05/05/2013	03/07/2015	Thôi tham gia BKS do DATC thoái vốn
12	Phạm Đình Mạnh Thu	TGD		03/07/2015	Chấm dứt hợp đồng lao động
13	Trịnh Văn Xuân	Phó TGD		03/07/2015	Chấm dứt hợp đồng lao động

CƠ CẤU NHÂN SỰ

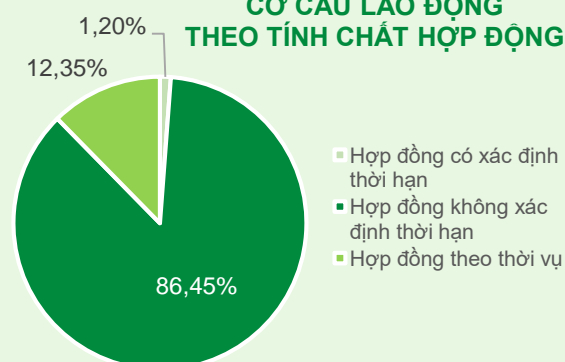
(Tính đến ngày 31/12/2015)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	251	100%
1	Trên đại học	0	0,00%
2	Đại học	21	8,37%
3	Cao đẳng	12	4,78%
4	Trung cấp	36	14,34%
5	CNKT	137	54,58%
6	Khác	45	17,93%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	251	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	3	1,20%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	217	86,45%
3	Hợp đồng theo thời vụ	31	12,35%

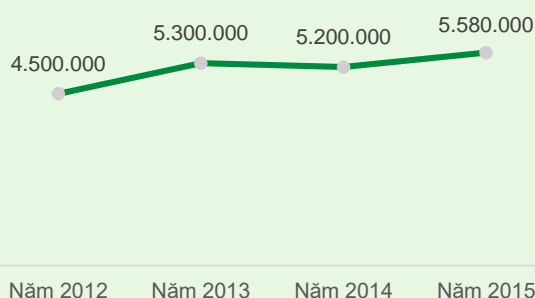
CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ



CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TÍNH CHẤT HỢP ĐỒNG



THU NHẬP BÌNH QUÂN



Thu nhập bình quân (đồng)

Năm 2012	4.500.000
Năm 2013	5.300.000
Năm 2014	5.200.000
Năm 2015	5.580.000

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về môi trường công việc

Công ty luôn cố gắng tối đa trong việc tạo ra một môi trường làm việc năng động, thân thiện và tôn trọng giữa người lao động với người lao động, giữa lãnh đạo và nhân viên. Tất cả các cán bộ công nhân viên làm việc tại CTCP Đường Kon Tum đều được tạo cơ hội để phát huy tối đa khả năng và vốn kiến thức hiểu biết của mình. Những đóng góp, chia sẻ và cống hiến luôn được ghi nhận và đánh giá kịp thời.

Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Công ty áp dụng nhiều chính sách khen thưởng gắn liền với thành tích công việc và hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực trong quá trình làm việc cho cán bộ công nhân viên. Một số chính sách khen thưởng được áp dụng như:

- Thưởng theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận;
- Thưởng tiết kiệm vật tư, nguyên liệu;
- Thưởng sáng kiến cải tiến;
- Thưởng đạt các danh hiệu thi đua..

Đôi với chế độ đãi ngộ, Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện chính sách khác như: Phụ cấp, trợ cấp theo năng lực và kinh nghiệm; Chương trình khám sức khỏe định kỳ; Tham gia các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan nghỉ mát ... cho cán bộ công nhân viên.

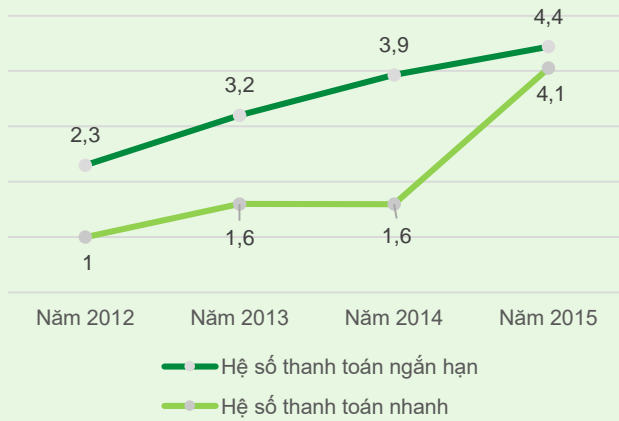
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/giảm so với năm 2014
Tổng tài sản	Triệu đồng	139.802	154.171	110,28%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	190.855	292.951	153,49%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	- 3.851	23.266	-
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	584	- 158	-
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	- 3.266	23.108	-
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	- 3.278	22.992	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	- 647	4.535	-
Tỷ lệ cổ tức	%		20%	-

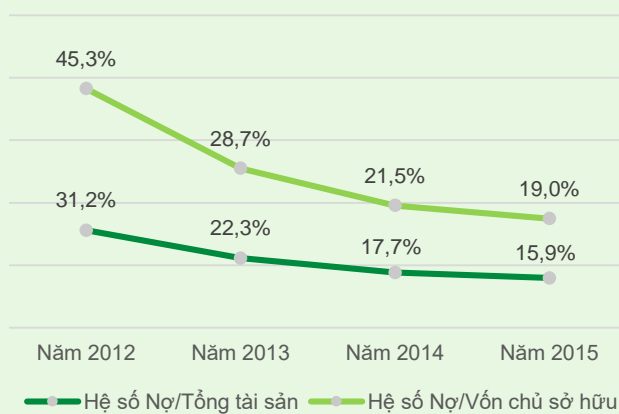
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,9	4,4
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,6	4,1
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	17,7%	15,9%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	21,5%	19,0%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,2	7,6
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,3	2,0
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	7,8%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-	18,8%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-	15,6%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-	7,9%

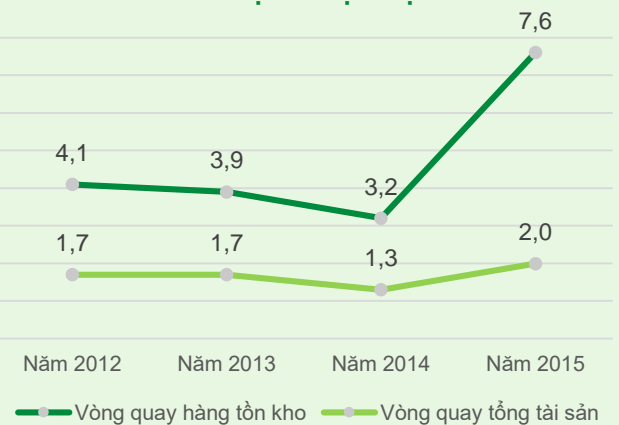
KHẢ NĂNG THANH TOÁN



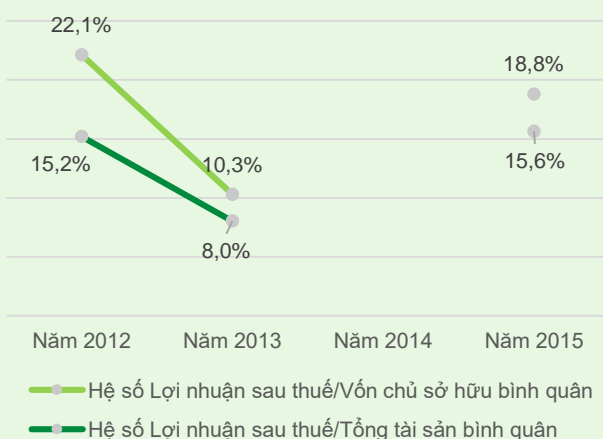
CƠ CẤU VỐN



NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



KHẢ NĂNG SINH LỜI



Khả năng thanh toán của Công ty tăng dần theo từng năm chứng tỏ khả năng hoàn trả nợ của Công ty ngày càng tốt. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 3,9 lần năm 2014 lên 4,4 lần năm 2015. Nguyên nhân của sự tăng này là do trong năm 2015, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng đột biến so với năm trước dẫn đến tổng tài sản ngắn hạn trong năm tăng 12,6% so với năm 2014 trong khi nợ ngắn hạn lại giảm nhẹ. Nếu như trong năm 2014, hệ số thanh toán nhanh khá cách biệt so với hệ số thanh toán ngắn hạn, thì trong năm 2015, hai hệ số này đã tương đối đồng đều. Năm 2015, hệ số thanh toán nhanh tăng mạnh từ 1,6 lần lên 4,1 lần. Ngoài lý do giá trị khối tài sản ngắn hạn tăng, hàng tồn kho của Công ty trong năm đã giảm đáng kể, chỉ còn 9,5 tỷ đồng.

Có thể thấy, hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu có xu hướng giảm qua các năm. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2015 lần lượt là 15,9% và 19%. Nguyên nhân chủ yếu không phải do nợ phải trả trong năm giảm mà do giá trị tổng tài sản và vốn chủ sở hữu tăng đáng kể trong năm 2015.

Năm 2015, cả hai chỉ số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Công ty đều tăng, đặc biệt là vòng quay hàng tồn kho tăng đáng kể, từ 3,2 vòng năm 2014 lên 7,6 vòng trong năm 2015. Điều này chứng tỏ trong năm 2015, khả năng tiêu thụ sản phẩm của Công ty khá tốt, hàng tồn kho không bị ứ đọng nhiều như năm trước cho thấy sự hiệu quả trong năng lực quản trị hàng tồn kho của Công ty.

Vòng quay tổng tài sản năm 2015 là 2 vòng, tăng từ 1,3 vòng năm 2014, thể hiện việc sử dụng tài sản trong công tác sản xuất kinh doanh của Công ty đã có hiệu quả hơn năm trước.

Nếu như trong năm 2014, Công ty hoạt động không lãi thì năm 2015, kết quả kinh doanh đã chuyển biến theo chiều hướng rất tích cực. Điều này thể hiện rõ trong các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty. Năm 2015, ROA và ROE của Công ty lần lượt đạt 15,6% và 18,8%, cao hơn mức của năm 2013 cũng là một năm hoạt động có lãi. Đây là dấu hiệu rất khả quan trong bối cảnh tình hình kinh tế của Ngành còn nhiều khó khăn như hiện nay.

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

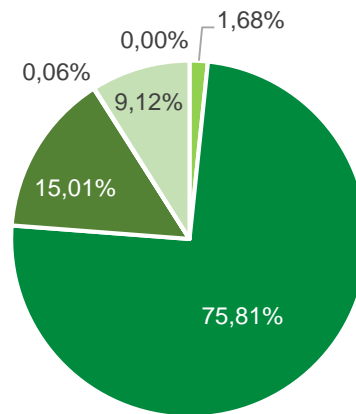
THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 5.070.000 cổ phiếu

- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 5.070.000 cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phiếu

Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Cổ đông Nhà nước
- Cổ đông nội bộ
- Cổ đông cá nhân trong nước
- Cổ đông tổ chức trong nước
- Cổ đông cá nhân nước ngoài
- Cổ đông tổ chức nước ngoài

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(tính đến ngày 08/3/2016)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00%
II	Cổ đông nội bộ	85.176	851,76	1,68%
II	Cổ đông trong nước	4.604.470	46.044,7	90,82%
	Cá nhân	3.843.461	38.434,61	75,81%
	Tổ chức	761.009	7.610,09	15,01%
III	Cổ đông nước ngoài	465.530	4.655,3	9,18%
	Cá nhân	2.940	29,4	0,06%
	Tổ chức	462.590	4.625,9	9,12%
	Tổng cộng	5.070.000	50.700	100%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

(tính đến ngày 08/3/2016)

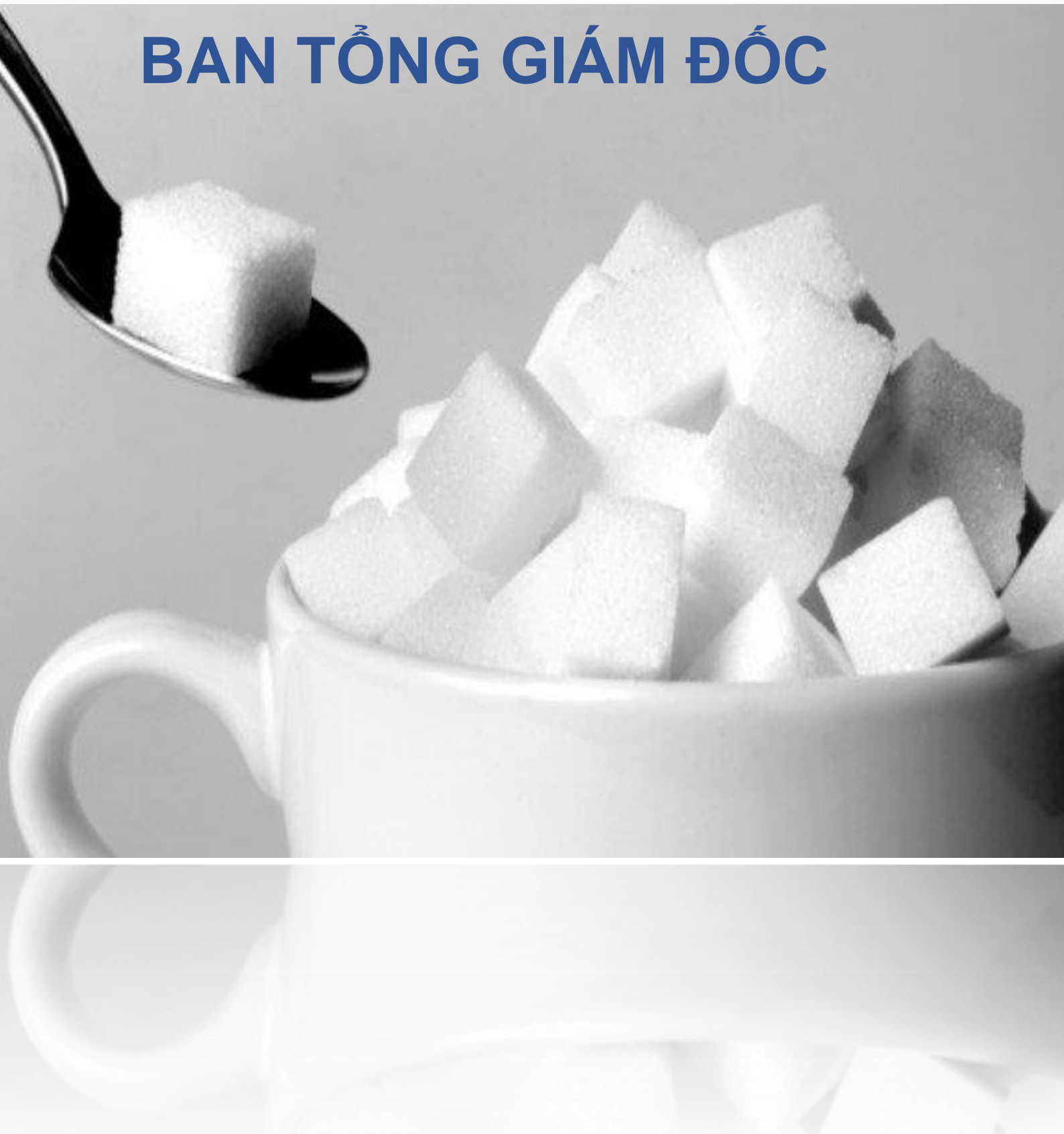
STT	Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Kim Hà Việt	760.500	15%
2	Nguyễn Tất Đạt	358.800	7,08%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Về công tác thu mua mía nguyên liệu

Kết quả thực hiện

Mía Nguyên liệu	ĐVT	Kế hoạch 2015-2016	Thực hiện vụ 2015-2016	Tỷ lệ % TH/KH
Tổng sản lượng	Tấn	186.729	202.412,85	108,4
Mía đầu tư trong vùng	Tấn	106.630	97.208,8	91,16
Mía đầu tư ngoài vùng	Tấn	19.783	5.047,73	25,5
Mía ngoài vùng (bao tiêu)	Tấn	60.316	100.156,32	166

Nguyên nhân sản lượng mía đầu tư trong và ngoài vùng không đạt so với kế hoạch

- Sản lượng mía đầu tư trong vùng thu mua không đạt so với kế hoạch chủ yếu là do diện tích sụt giảm so với kế hoạch đã báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 (do hộ trồng mía chuyển đổi cây trồng, một phần do cán bộ nông vụ báo cáo không trung thực) đã ảnh hưởng đến SXKD năm 2015, vụ 2015-2016 và các năm tiếp theo.
- Sản lượng mía đầu tư ngoài vùng thu mua không đạt so với kế hoạch do: thời tiết nắng hạn mía sinh trưởng phát triển kém, năng suất thấp; Một số hộ đốn chặt dùng làm giống để trồng mới, không nhập về nhà máy; Một số hộ để sau Tết thu hoạch mía bị cháy chất lượng kém không đưa về nhà máy nhập; Một số hộ diện tích lớn sau khi trả nợ đủ cho Công ty đã chờ sang bán cho các Nhà máy khác với giá cao hơn.

Công tác vận chuyển mía

- Căn cứ vào công suất ép của Nhà máy, vụ 2015-2016 Công ty đã ký hợp đồng vận chuyển với Công ty TNHH MTV Đại Tiến, cân đối số lượng xe, chủng loại xe để bố trí từng vùng cho phù hợp và đảm bảo vận chuyển đủ mía cho Nhà máy hoạt động.
- Vụ ép 2015-2016, trên cơ sở giá dầu của thị trường tại thời điểm, Công ty đã xây dựng kế hoạch giá cước vận chuyển mía bình quân là: 88.212,62 đồng/tấn, và thực tế thực hiện là 82.000 đồng/tấn, giảm 16.661 đồng/tấn so với vụ 2014-2015.





Công tác đầu tư

- **Kế hoạch đầu tư trồng mới vụ 2015-2016** **500 ha**
Trong đó,
 - Mở rộng 300 ha
 - Trồng lại 200 ha
- **Quá trình triển khai các hộ dân đã đăng ký trồng mía** **395,14 ha**
Trong đó,
 - Mở rộng 212,24 ha
 - Trồng lại 182,90 ha
- **Kết quả đến ngày 25/3/2016 đã xuống giống trồng** **238,1 ha đạt 47,62% kế hoạch**
Trong đó,
 - Mở rộng 124,58 ha đạt 41,53%
 - Trồng lại 113,52 ha đạt 56,76%
- **Diện tích mía phá gốc không trồng lại qua vụ 2015-2016** **658,73 ha**

Nguyên nhân trồng mới không đạt

- Thực hiện Quyết định số 39/2015/QĐ-HĐQT ngày 07 tháng 08 năm 2015 của HĐQT “V/v phê duyệt chính sách đầu tư phát triển vùng nguyên liệu vụ 2015-2016”; ngay từ đầu vụ Công ty đã triển khai quyết liệt việc vận động các hộ nông dân đăng ký trồng mía và được bà con hưởng ứng nhiệt tình. Nhưng, sau đó do thời tiết nắng hạn kéo dài, một số giống mía cũ như MY đã không chịu hạn nổi phải chấp nhận phá bỏ sớm khi chưa hết chu kỳ và không thể trồng lại do nắng hạn.
- Sau khi thu hoạch, một số hộ dân đã phá bỏ diện tích trồng mía gốc 3, gốc 4 chuyển sang trồng các loại cây trồng khác.
- Diện tích đất ngày càng hạn hẹp, do cạnh tranh của các cây trồng khác ngày càng cao như cây sắn (mì), cây hoa màu và quá trình đô thị hóa của Thành phố Kon Tum.

Công tác thu hồi nợ đầu tư

• Tổng số nợ phải thu theo KH vụ 2015-2016	17.749.114.119 đồng
<i>Trong đó,</i>	
- Trong vùng	14.708.416.922 đồng
- Ngoài vùng	3.040.697.197 đồng
• Đã thu theo KH đến ngày 31/03/2016	17.289.040.376 đồng
<i>Trong đó,</i>	
- Trong vùng	14.647.262.794 đồng
- Ngoài vùng	2.641.777.582 đồng
• Số nợ còn lại phải thu theo KH vụ 2015-2016	460.073.742 đồng
<i>Trong đó,</i>	
- Trong vùng	61.154.128 đồng
- Ngoài vùng	398.919.614 đồng

Như vậy, công tác thu nợ vụ 2015-2016 đạt 97,4% so với kế hoạch. Trong đó, thu trong vùng đạt 99,6% và thu ngoài vùng đạt 86,9%. Ngoài ra, Công ty còn thu được thêm ngoài kế hoạch (theo đề nghị của cán bộ địa bàn) số tiền là: 167.783.916 đồng.

Nguyên nhân thu nợ Ngoài vùng không đạt.

Do một số hộ nhận đầu tư chặt mía để làm giống trồng mới vụ 2015-2016, nên sản lượng mía nhập về Công ty không đủ để thu nợ. Hiện nay CTCP Đường Kon Tum đã dừng việc đầu tư tại Xã La Mơn, nên việc thu nợ là rất khó đảm bảo theo kế hoạch.

Công tác Trại Giống mía

• Diện tích mía đưa vào sản xuất vụ 2015-2016	11,2 ha
• Diện tích phá trồng lại	0,7 ha
• Kế hoạch sản lượng thu mua vụ 2015-2016	728 tấn
<i>Trong đó,</i>	
- Sản lượng làm giống	469 tấn
- Sản lượng làm nguyên liệu	259 tấn
• Thực hiện vụ 2015-2016	810,06 tấn
<i>Trong đó,</i>	
- Sản lượng làm giống	172,68 tấn
- Sản lượng làm nguyên liệu	637,38 tấn
• Năng suất mía bình quân	72,32 tấn/ha

Qua đánh giá bộ giống mía trồng tại Trại giống, các giống mía mới có năng suất, chữ đường cao, tái sinh gốc tốt cần phát triển ra vùng nguyên liệu, gồm:

- Giống mía chín sớm: KK3, K200-89
- Giống mía chín trung bình: K95-156, KU00-1-58
- Giống mía chín muộn: K88-92
- Giống mía trồng đất đồi thay My55-14: K95-84

Về công tác sản xuất chế biến đường

Thời gian sản xuất của năm tính từ ngày 01/01/2015 và kết thúc ngày 31/12/2015, tập trung vào quý 1 và quý 4 của năm.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2014	KH2015	TH 2015	TH 2015/ KH 2015
1	Sản lượng mía đưa vào ép	Tấn	148.291	180.000	175.321	97,40%
2	Trọng lượng mía sạch	Tấn	143.432	173.306	168.922	97,47%
3	Pol mía	%	12,13	12,30	11,83	96,18%
4	Chữ đường BQ	CCS	10,15	10,30	9,9	96,12%
5	Đường thành phẩm	Tấn	15.126	18.837	17.893	94,99%
6	Mật rỉ	Tấn	7.051	8.100	8.850	109,26%
7	Bã bùn	Tấn	8.624	7.200	6.965	96,74%
8	Công suất ép bình quân/ngày	Tấn	1.635	1.676	1.708	101,91%
9	Hiệu suất ép	%	96,11	96,00	95,82	99,81%
10	Hiệu suất chế luyện	%	88,4	88,63	89,26	100,71%
11	Hiệu suất tổng thu hồi	%	84,96	85,08	85,52	100,52%
12	Hiệu suất ATTB	%	98,37	≥ 98	98,79	100,81%
13	Tỷ lệ mía/đường (mía sạch)	M/Đ	9,39	9,2	9,52	103,48%

Một số tồn tại và nguyên nhân

- **Tỷ lệ mía/đường không đạt so kế hoạch, do**
 - Năm 2015, thời tiết khu vực Miền Trung – Tây Nguyên khá khắc nghiệt, nắng hạn kéo dài đã làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây mía; mía ngắn (thấp), tỷ lệ phần thân so với phần ngọn thấp dẫn đến chất lượng mía kém (*pol mía chỉ đạt 11.83% / 12,30% KH; CCS đạt 9,9/10,3 KH*). Đây cũng là khó khăn chung của các Nhà máy thuộc khu vực.
 - Do thời tiết nắng nóng, khô hạn, trong quý 4/2015 mía bị cháy nhiều làm giảm chất lượng mía, gây khó khăn cho quá trình chế biến, giảm tỷ lệ thu hồi. (*Lượng mía cháy năm 2015: 6.839,4 tấn, chiếm 3,9% tổng sản lượng, tăng gấp 3 lần so với năm 2014*).
 - Quý 1/2015 (thuộc vụ ép 2014-2015) công tác quản lý sản xuất có phần hạn chế, đặc biệt là sau khi đưa thiết bị Trạ tinh đứng vào hoạt động không hiệu quả phần nào đã ảnh hưởng đến hiệu suất thu hồi của năm 2015.
- **Tiêu hao một số nguyên, nhiên vật liệu cao hơn so với kế hoạch, do**
 - Chất lượng nguyên liệu đầu vào kém (nguyên nhân như đã phân tích trên) gây khó khăn cho quá chế luyện dẫn đến phải tiêu tốn thêm hóa chất cho quá trình xử lý.

- Các loại hóa chất: Na_3PO_4 , NaOH , Na_2CO_3 , Phèn đơn tăng do nguồn nước đầu vào năm nay chất lượng kém (nước đầu nguồn đục) nên phải sử dụng nhiều hoá chất Na_3PO_4 , Phèn đơn. Bên cạnh đó, còn phục vụ cho việc xử lý nước thải nên lượng hoá chất NaOH , Na_2CO_3 sử dụng tăng hơn so với định mức.
- Dầu Hydroil 68, Gearoil MP-140 sử dụng tăng vượt so với định mức là do có thêm xe xúc lật để phục vụ ủi bã mía, ủi bùn, xúc hổ tro và dọn sân mía. Cuối vụ Tu bổ, do dùng dầu Gearoil MP-140 tra cho các bộ Giảm tốc thứ cấp và Bánh răng tam tinh của các bộ che ép để phục vụ công tác chạy rà và chuẩn bị cho hoạt động sản xuất, nhưng không xuất vật tư vào Tu bổ mà lại xuất sang cho phần sản xuất, nên kết quả đã tăng vượt so với định mức ban hành.

Về công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm

Nhờ có sự dự báo đúng đắn và linh hoạt, quyết đoán kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc nên công tác tiêu thụ năm 2015 và vụ 2015-2016 đã mang lại hiệu quả cho Công ty.

Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2014	KH2015	TH2015	TH2015/ TH2014	TH/2015/ KH2015
1	Sản lượng mía qua cân (mía thô)	Tấn	148.291	180.000	175.321	118,23%	97,40%
2	Sản lượng mía sạch	Tấn	143.432	173.306	168.922	117,77%	97,47%
3	Sản lượng đường sản xuất được	Tấn	15.126	18.837	17.893	118,29%	94,99%
4	Tỷ lệ mía/đường	M/Đ	9,38	9,2	9,52	101,49%	103,48%
5	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	15.071	18.000	21.957	145,69%	121,99%
6	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	190.855	252.447	292.951	153,49%	116,04%
15	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-3.266	15.826	23.108		146,01%
16	Thuế TNDN	Triệu đồng	12	2.763	117	975,00%	4,23%
17	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-3.278	13.063	22.992		176,01%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	-647		4.535		
19	Cổ tức	%	-	15-20%	20%		

Lợi nhuận năm 2015 là 23.108.498.119 đồng, vượt 46% so với kế hoạch, nguyên nhân là nhờ thu nhập từ các phụ phẩm tăng đã làm giảm giá thành đường 73.685 đồng/tấn; các yếu tố chi phí khác như: chi phí vận chuyển mía, tiêu hao vật tư, hóa chất... giảm so với kế hoạch là 46.399 đồng/tấn đường. Đặc biệt, thời gian đầu vụ 2015-2016 (quý 4/2015) Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã nhạy bén, quyết định kịp thời công tác thu mua nguyên liệu, tổ chức chế biến và tiêu thụ tại thời điểm giá đường cao, sức tiêu thụ mạnh nên quý 4/2015 Công ty đạt lợi nhuận 10.664.496.886 đồng. Mặt khác, việc tiêu thụ sản phẩm kịp thời đã làm giảm chi phí lãi vay, tăng hiệu quả sử dụng vốn. Trong năm Công ty thu được 2.955.947.878 đồng từ lãi tiền gửi ngân hàng và lãi bán hàng trả chậm cho khách hàng. Đến thời điểm 31/12/2015 Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn là 54,9 tỷ đồng.

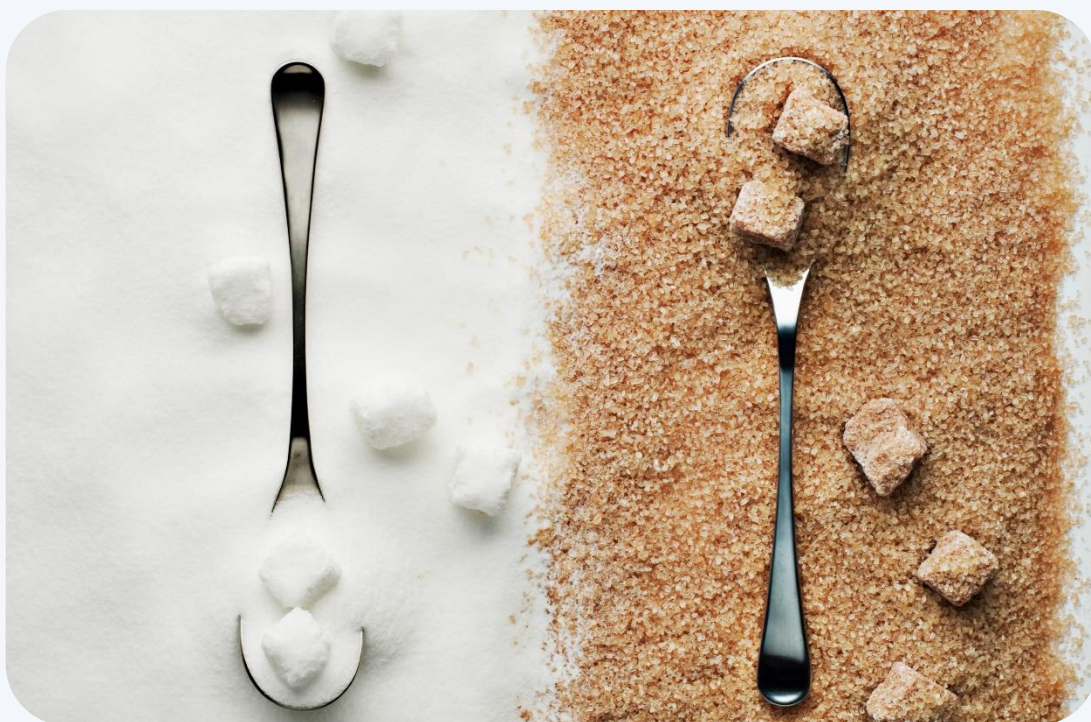
Về công tác tổ chức lao động

Vụ ép 2015-2016 Công ty thực hiện kiện toàn lại căn bản về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của Công ty nhằm đảm bảo công tác tổ chức cán bộ tinh gọn và hiệu quả, đáp ứng với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong tình hình mới. Kết quả sau khi sắp xếp bố trí lại lao động, định biên lao động toàn Công ty vụ 2015-2016 còn lại 251 người, giảm 88 người so với vụ 2014-2015. Mặc dù lao động tinh giảm nhưng mọi hoạt động của Công ty vẫn đảm bảo và đạt hiệu quả cao (thể hiện qua kết quả SXKD của Công ty năm 2015 và vụ 2015-2016).

Về công tác sửa chữa lớn năm 2015

Năm 2015 là năm đầu tiên Nhà máy thực hiện công tác tu bổ sửa chữa lớn với số lượng nhân lực ít nhất, thời gian ngắn nhất đã tiết giảm tối đa chi phí nhân công, nhưng vẫn đảm bảo tiến độ và thực hiện được tất cả các nội dung công việc trong kế hoạch sửa chữa lớn. Vật tư, nhiên, vật liệu phục vụ tu bổ sửa chữa lớn năm 2015 được sử dụng một cách tiết kiệm, hiệu quả.

Trong quá trình tu bổ sửa chữa lớn năm 2015, lãnh đạo các cấp luôn có mặt tại hiện trường, bám sát công việc của các tổ, bộ phận, giải quyết nhanh chóng, dứt điểm các tồn tại vướng mắc trong quá trình Tu bổ, nên hiệu quả công việc tăng cao và đạt yêu cầu đề ra. Vào vụ sản xuất 2015-2016 máy móc, thiết bị hoạt động ổn định, an toàn và đảm bảo yêu cầu về thông số kỹ thuật.

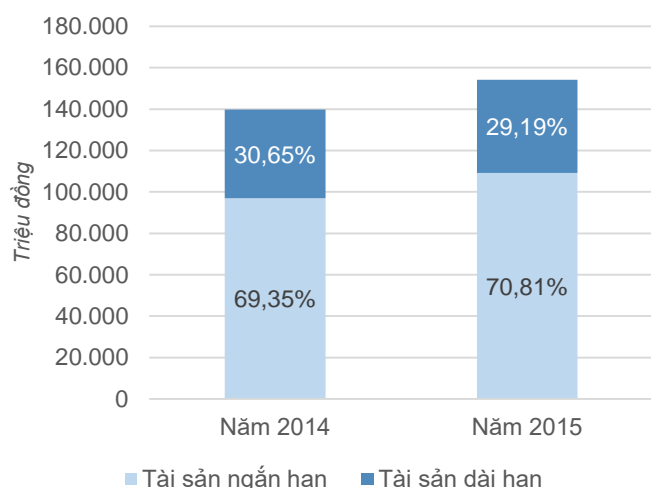


Tình hình tài sản

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ trọng 2014	Tỷ trọng 2015	2015 so với 2014
Tài sản ngắn hạn	96.947	109.163	69,35%	70,81%	112,60%
Tài sản dài hạn	42.854	45.008	30,65%	29,19%	105,03%
Tổng tài sản	139.802	154.171	100,00%	100,00%	110,28%

CƠ CẤU TÀI SẢN



Về cơ cấu tài sản trong năm 2015 không có nhiều biến động so với năm 2014. Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm đa số với tỷ trọng 70,81% và tài sản dài hạn chỉ chiếm 29,19%. Về giá trị, tài sản ngắn hạn năm 2015 đạt 109,1 tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2014 nguyên nhân đến từ các khoản tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 và 3 tháng tăng, đồng thời các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng tăng do phát sinh khoản phải thu ngắn hạn từ Công ty TNHH Kim Hà Việt, CTCP Đầu tư Vương Quốc Việt và Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên.

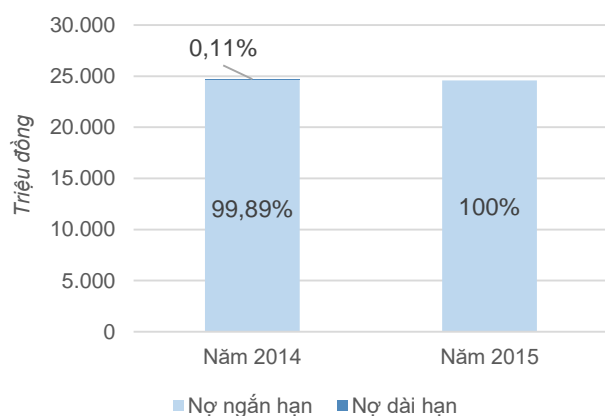
Tài sản dài hạn năm 2015 đạt 45 tỷ đồng, tăng khoảng 5% so với năm trước do giá trị khối tài sản cố định hữu hình tăng mà cụ thể là máy móc và thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty.

Tình hình nợ phải trả

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ trọng 2014	Tỷ trọng 2015	2015 so với 2014
Nợ ngắn hạn	24.682	24.588	99,89%	100,00%	99,62%
Nợ dài hạn	27	0	0,11%	0,00%	0,00%
Nợ phải trả	24.709	24.588	100,00%	100,00%	99,51%

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ



Nếu như năm 2014, nợ dài hạn của Công ty chiếm tỷ trọng 0,11% tổng nợ phải trả thì năm 2015, Công ty hoàn toàn không có nợ dài hạn. Nợ ngắn hạn chiếm 100% tổng số nợ phải trả của Công ty và giảm nhẹ so với năm 2014. Điều này chứng tỏ khả năng thanh toán nợ của Công ty trong thời kỳ hiện tại là khá tốt.

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH 6 THÁNG
ĐẦU NĂM 2016 VÀ
NĂM 2016 -2017**

Mục tiêu

Chỉ tiêu	ĐVT	6 tháng đầu năm 2016	Năm 2016-2017
Sản lượng mía đưa vào SX (mía thô)	Tấn	124.750	187.061
Sản lượng mía sạch	Tấn	120.446	181.450
Tiêu hao mía/đường	M/Đ	9,36	19.510
Sản lượng đường sản xuất	Tấn	12.871	9,3
Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	12.900	19.510
Tổng doanh thu	Tr. đồng	177.496	262.271
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr. đồng	20.486	15.135
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	20.486	15.135
Tỷ lệ chia cổ tức	%	7,5-10	15-20

Giải pháp thực hiện

Về công tác Nguyên liệu

- Tăng cường công tác khuyến nông; áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến vào canh tác từ các khâu: Cày, Trồng, Chăm sóc, Thu hoạch...; hạn chế sử dụng thuốc trừ cỏ, tăng cường công tác phòng trừ sâu bệnh để tăng chất lượng cây mía.
- Chọn lựa các loại phân bón cho phù hợp các vùng đất, cân đối số lượng bón cho từng loại đất, cân đối N-P-K cho phù hợp với sinh trưởng và phát triển của cây mía trong từng giai đoạn sinh trưởng nhằm vừa tăng năng suất trên một đơn vị diện tích vừa tăng chất lượng cây mía.
- Để tăng diện tích và sản lượng mía hàng năm, ổn định và giữ vững được vùng nguyên liệu, Khối Nông vụ phải phấn đấu trồng mới vụ 2016-2017 là 350 ha, nâng diện tích mía đứng của Công ty đầu tư phục vụ cho vụ ép 2017-2018 lên 1.650 ha.
- Rà soát lựa chọn các loại giống hiện có cho năng suất cao, chất lượng tốt để đưa vào sản xuất đại trà thay thế dần các giống đã sản xuất lâu năm năng suất và chất lượng kém. Định mức giống cho 01 ha phù hợp cơ cấu từng loại giống, cân đối giống chín sớm, trung bình, chín muộn để đáp ứng yêu cầu sản xuất của Nhà máy.
- Tiếp tục khảo nghiệm để chọn các loại giống cho năng suất và chất lượng cao, tương đối phù hợp điều kiện thời tiết đất đai ở Kon Tum đưa vào sản xuất nhằm tăng năng suất và chất lượng mía góp phần tăng thu nhập cho người trồng mía và phát triển ổn định vùng Nguyên liệu của Công ty.

Khối sản xuất chế biến Đường

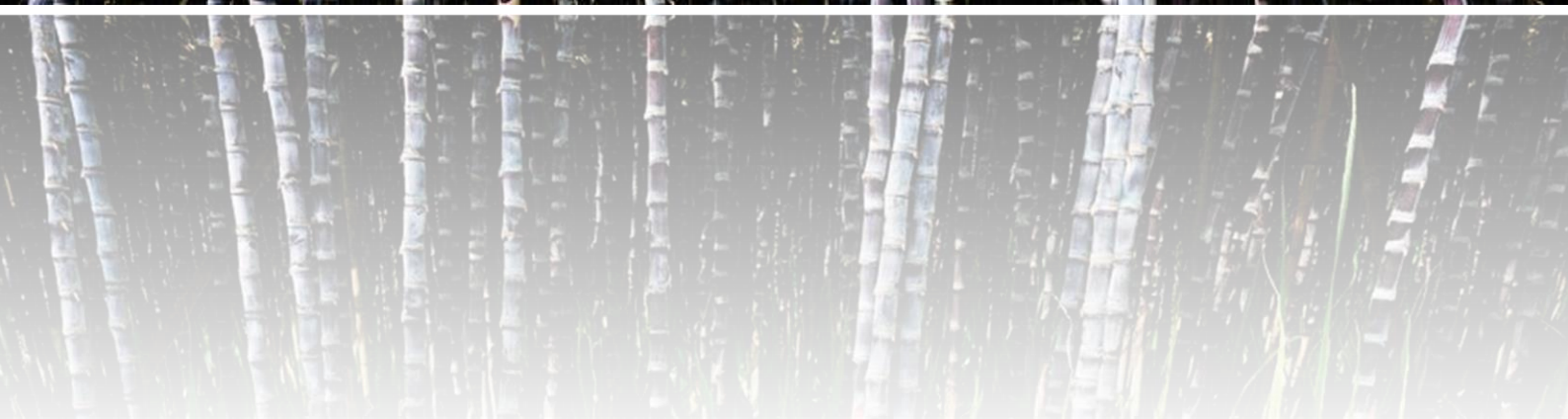
- Tiếp tục đầu tư cải tiến máy móc thiết bị, áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất chế luyện, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ tiêu hao mía/đường; tiếp tục rà soát tiết giảm các khoản chi phí, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực nhằm hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh với thị trường.
- Tiến hành thống kê các sự cố trở ngại, tồn tại trong vụ sản xuất 2015-2016; phân tích nguyên nhân và đề ra biện pháp khắc phục trong vụ sửa chữa lớn 2016 để duy trì công suất ổn định 2.000 tấn mía/ngày, tiến tới đầu tư nâng công suất 2.500 tấn mía/ngày, nhằm chủ động được thời gian sản xuất khi mía đủ độ chín và nâng cao tỷ lệ thu hồi mía/đường, rút ngắn được thời gian sản xuất, nâng cao năng suất mía nguyên liệu và hiệu quả sản xuất cho nông dân trồng mía.
- Nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý điều hành trên dây chuyền sản xuất nhằm tăng hiệu suất Tổng thu hồi và giảm thiểu tổn thất trong từng công đoạn sản xuất, tiết kiệm tối đa nguồn nguyên vật liệu.

Khối phòng ban nghiệp vụ, phục vụ

- Về thị trường tiêu thụ: luôn tạo mối quan hệ bền vững với các khách hàng truyền thống của Công ty nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty.
- Tăng cường công tác quản trị và điều hành của công ty theo hướng hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý đáp ứng các mục tiêu của doanh nghiệp, tích cực giám sát tất cả các mặt hoạt động để có biện pháp ngăn ngừa tối đa những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục kiện toàn công tác nhân sự bộ máy quản lý, rà soát, định biên, tiết giảm, bố trí lại nguồn nhân lực ở các phòng ban chuyên môn và các tổ sản xuất theo hướng tinh gọn, đảm bảo đủ năng lực và phù hợp với cương vị công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015

Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ SXKD do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Kết quả hoạt động SXKD năm 2015, phần nào đã đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông đồng thời chăm lo được đời sống cho người lao động.

Chỉ tiêu	ĐVT	KH2015	TH 2015	TH2015/ KH2015
Sản lượng mía đưa vào sản xuất (mía thô)	Tấn	180.000	175.321	97,40%
Sản lượng Đường sản xuất	Tấn	18.837	17.893	94,99%
Tỷ lệ tiêu hao mía/đường	M/Đ	9.2	9.52	103,48%
Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	18.000	21.957	121,99%
Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ	Triệu đồng	252.448	292.951	116,04%
Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	15.826	23.108	146,01%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	13.063	22.991	176,01%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	15-20	Dự kiến 20	

Về công tác đầu tư phát triển và thu mua nguyên liệu

Vùng nguyên liệu luôn được Công ty quan tâm đầu tư phát triển bằng nhiều chính sách và giải pháp nhưng mức độ phát triển Vùng nguyên liệu vẫn còn hạn chế về cả diện tích lẫn năng suất. Đặc biệt, diện tích năm 2015 giảm đáng kể so với năm 2014. Thực chất của vấn đề diện tích giảm một phần do bà con nông dân phá bỏ cây mía để luân canh cây trồng, nhưng một phần là do công tác quản lý diện tích trước đây quá lỏng lẻo dẫn đến diện tích xác định qua hồ sơ không đúng so với thực tế. Vì vậy sản lượng mía thu mua trong vùng vụ ép 2015-2016 không đạt so với kế hoạch.

Về công tác quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính của Công ty từng bước được cải tiến để đảm bảo tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban Kiểm soát. Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh đạt hiệu quả.

Về công tác sản xuất chế biến và tu bổ bảo dưỡng máy móc, thiết bị

Công tác sản xuất chế biến Đường và tu bổ bảo dưỡng máy móc thiết bị của Nhà máy trong năm 2015 và vụ 2015-2016 có nhiều chuyển biến tích cực so với các năm trước. Máy móc thiết bị hoạt động ổn định, chất lượng Đường thành phẩm từng bước được nâng lên đáp ứng với nhu cầu của thị trường. Quá trình tu bổ, bảo dưỡng thiết bị đã tiết kiệm đáng kể cả về chi phí vật tư lẫn nhân công nhưng vẫn đảm bảo tiến độ và thiết bị hoạt động an toàn, ổn định.

Về mối quan hệ với các cổ đông

- Hội đồng Quản trị thường xuyên thực hiện chế độ báo cáo quý, 6 tháng, năm và xin ý kiến chủ trương về những nội dung có liên quan đến Công ty cổ phần đối với cổ đông Nhà nước (đối với thời điểm trước ngày 03/7/2015).
- HĐQT thường xuyên có sự trao đổi nắm bắt thông tin về giá cả, thị trường Đường tại từng thời điểm đối với các cổ đông lớn, cổ đông chiến lược; Thực hiện nghiêm túc việc mua bán, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty đảm bảo hài hòa lợi ích giữa cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và Công ty.
- Các cổ đông lớn, cổ đông chiến lược luôn có sự phối hợp chặt chẽ, tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong việc tiêu thụ sản phẩm cũng như kinh nghiệm đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, đầu tư phát triển vùng nguyên liệu và công tác quản lý sản xuất kinh doanh.

Về Công tác phối hợp với tổ chức Đảng và các tổ chức Đoàn thể

- Thường xuyên duy trì và phối hợp tốt trong quá trình triển khai các công việc giữa Hội đồng Quản trị với BCH Đảng bộ, BCH Công đoàn, Đoàn Thanh niên để thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước, các Nghị quyết, Kế hoạch của Công ty để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ, nhằm xây dựng Công ty ngày càng phát triển.
- Chỉ đạo Ban Điều hành tạo điều kiện và ủng hộ kinh phí để các tổ chức đoàn thể hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình, đưa các mặt hoạt động của Công ty đạt nhiều thành tích, góp phần kích thích hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong công tác điều hành hoạt động của Công ty, Tổng Giám đốc đã kịp thời tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật. Nội dung chỉ đạo và điều hành của Tổng Giám đốc luôn tuân thủ theo quy định hiện hành của pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Các quyết định của Tổng Giám đốc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.



**KẾ HOẠCH VÀ
ĐỊNH HƯỚNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN
TRỊ 6 THÁNG ĐẦU
NĂM 2016 VÀ NĂM
2016- 2017**

Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) được ký kết từ đầu năm 2016 mang lại nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn cho Doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có ngành Mía Đường trong năm 2016 và những năm tiếp theo.

Đối với Công ty cổ phần Đường Kon Tum có thể nói đây là giai đoạn hết sức khó khăn khi vùng nguyên liệu tại tỉnh nhà Kon Tum ngày càng bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa, sự cạnh tranh khốc liệt của các loại cây trồng khác và tập quán sản xuất nhỏ lẻ, manh mún của cư dân. Để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông, đồng thời tạo việc làm cho người lao động, Hội đồng Quản trị đề ra phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 (6 tháng đầu năm 2016 và năm 2016-2017), với một số chỉ tiêu cơ bản sau

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	6 tháng đầu năm 2016	Năm 2016-2017
1	Sản lượng mía đưa vào SX (mía thô)	Tấn	124.750	187.062
2	Sản lượng mía sạch	Tấn	120.446	181.450
3	Tiêu hao mía/đường	M/Đ	9,36	9,30
4	Sản lượng đường thành phẩm SX	Tấn	12.871	19.511
5	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	12.900	19.511
6	Tổng doanh thu	Triệu đồng	177.496	262.271
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	20.486	15.135
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	20.486	15.135
9	Tỷ lệ chia cổ tức	%	7,5 - 10	15 - 20

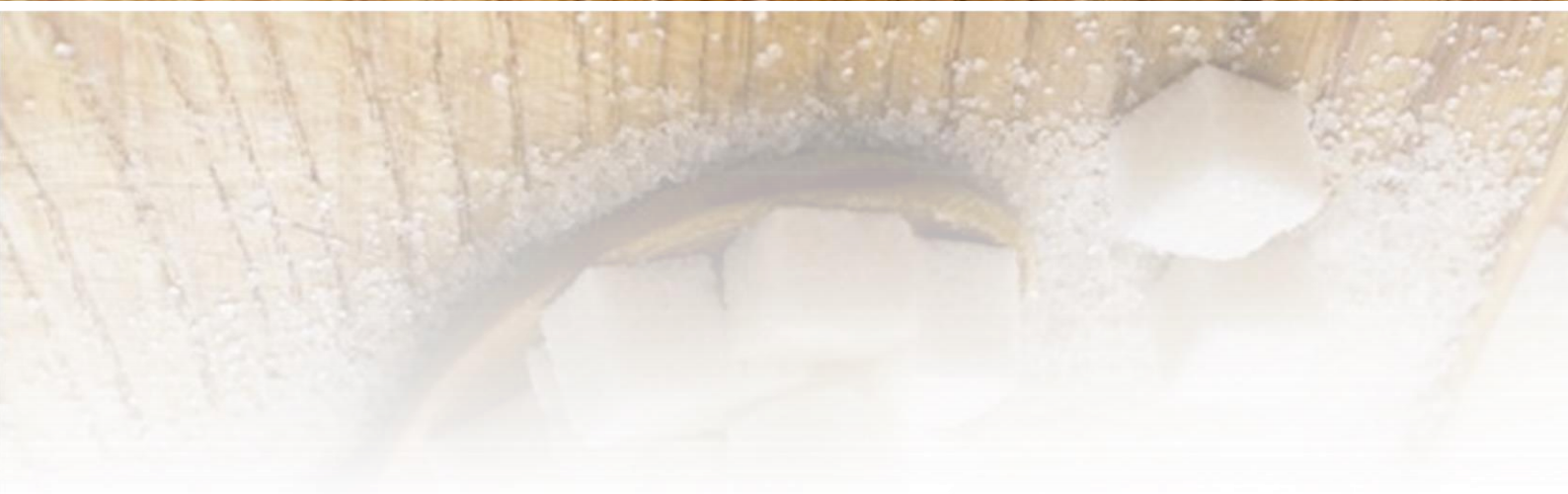
A photograph of a brown ceramic bowl filled with white sugar cubes, resting on a light-colored wooden surface. The bowl is positioned on the left side of the frame, and the sugar cubes are piled up, some showing their crystalline texture. The background is a blurred wooden surface.

Giải pháp thực hiện

- Tiếp tục nghiên cứu ban hành các chính sách đầu tư mới thiết thực hơn, hiệu quả hơn để phát triển vùng Nguyên liệu mía; từng bước ổn định vùng Nguyên liệu trọng điểm trên địa bàn tỉnh Kon Tum đạt từ 1.650 ha trở lên, cơ cấu các loại giống mía mới có năng suất và chữ đường cao, thay thế triệt để các loại giống mía cũ hiện đang sản xuất.
- Đầu tư phát triển một số diện tích tại các huyện lân cận ở Tỉnh Gia Lai để bổ sung Nguyên liệu cho Nhà máy hoạt động đảm bảo 100% công suất.
- Chỉ đạo quyết liệt công tác thu hồi nợ đầu tư nguyên liệu nhằm bảo toàn vốn cho Công ty và sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả.
- Tiếp tục đầu tư cải tiến máy móc thiết bị, áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất chế luyện, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ tiêu hao mía/đường; Tiếp tục rà soát tiết giảm các khoản chi phí, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực nhằm hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh với thị trường.
- Tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo tính đầy đủ và phù hợp của các quy trình và quy chế, đảm bảo an toàn trong các mặt hoạt động.
- Nâng cao năng lực hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao năng lực tài chính, năng lực công nghệ, chất lượng sản phẩm, dịch vụ bán hàng, mở rộng thị trường, xây dựng khách hàng truyền thống để đảm bảo mục tiêu phát triển ổn định, bền vững.
- Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy nhân sự theo mô hình gọn nhẹ và năng động với đội ngũ cán bộ có trình độ quản lý và chuyên môn cao. Xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý mới một cách có hệ thống, tiếp thu các tri thức kinh doanh mới để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

BÁO CÁO

QUẢN TRỊ CÔNG TY



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Từ đầu năm 2015 Hội đồng quản trị CTCP Đường Kon Tum có 05 người, trong đó có 01 thành viên thường trực tại Công ty. Đến ngày 03/7/2015 (sau khi Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam thoái hết phần vốn Nhà nước tại CTCP Đường Kon Tum), tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đã đồng ý cho các Ông/Bà Dương Thanh Hiền, Nguyễn Anh Tú và Trần Thị Thái thôi tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2015-2018 và đã bầu bổ sung 03 thành viên HĐQT. Sau đó, HĐQT đã bầu Chủ tịch và 01 Phó Chủ tịch thường trực.

Đến ngày 14/10/2015, Ông Lưu Minh Trinh - thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty có Đơn gửi đến Trụ sở Công ty xin thôi việc và xin từ nhiệm thành viên HĐQT. Theo quy định của Điều lệ của Công ty thì sau 60 ngày (tức đến ngày 14/12/2015) Ông Lưu Minh Trinh đương nhiên không còn tư cách là thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum.

Hiện tại HĐQT Công ty có 04 thành viên trong đó có 01 Phó Chủ tịch thường trực và 01 thành viên kiêm Tổng Giám đốc, làm việc trực tiếp tại Công ty. Ngày 14/3/2016, Ông Nguyễn Xuân Minh – thành viên HĐQT có đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT, HĐQT đã đồng ý và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị năm 2015

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Dương Thanh Hiền	Chủ tịch HĐQT	02	100%	Miễn nhiệm ngày 03/7/2015
2	Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	02	100%	Miễn nhiệm ngày 03/7/2015
3	Bà Trần Thị Thái	Thành viên HĐQT	02	100%	Miễn nhiệm ngày 03/7/2015
4	Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	05	100%	Bổ nhiệm ngày 03/7/2015
5	Ông Lưu Minh Trinh	Thành viên HĐQT	05	100%	Xin thôi việc từ ngày 26/10/2015
6	Ông Lê Hồng Thái	Phó Chủ tịch HĐQT	03	100%	Bổ nhiệm từ ngày 03/7/2015
7	Ông Nguyễn Xuân Minh	Thành viên HĐQT	03	100%	Bầu bổ sung từ ngày 03/7/2015
8	Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	03	100%	Bầu bổ sung từ ngày 03/7/2015

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một Thư ký Công ty, giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Khi cần thiết Hội đồng Quản trị sử dụng cán bộ quản lý của Công ty để giúp việc cho Hội đồng Quản trị.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2015

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và tình hình thực tế của Công ty, sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 (tháng 7/2015) Hội đồng Quản trị đã tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tập trung củng cố, kiện toàn công tác tổ chức trong toàn Công ty, triển khai quyết liệt kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã đề ra.

HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp để hoạch định chiến lược và đưa ra các Nghị quyết, quyết định để lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Công ty một cách kịp thời và hiệu quả. Với các nội dung trọng tâm, cơ bản sau:

- Tập trung chỉ đạo kiện toàn lại căn bản về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của Công ty đảm bảo tinh gọn và hiệu quả;
- Ban hành các quy chế hoạt động của Công ty đảm bảo sát với tình hình thực tế của Công ty và mang lại hiệu quả cao trong quá trình quản trị điều hành;
- Sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty đảm bảo phù hợp với mô hình của Công ty và Luật Doanh nghiệp 2014;
- Ban hành các chính sách đầu tư phát triển vùng Nguyên liệu đảm bảo cho công tác phát triển diện tích vùng Nguyên liệu và thu hồi nợ đầu tư hiệu quả nhất;
- Chỉ đạo công tác sửa chữa lớn năm 2015 đạt chất lượng cao và tiết kiệm chi phí; máy móc thiết bị sau tu bổ đưa vào hoạt động ổn định, thông suốt, giảm thiểu định mức tiêu hao vật tư;
- Tiếp tục làm việc với các địa phương có tiềm năng về đất trồng mía để đầu tư mở rộng vùng Nguyên liệu đáp ứng công suất của Nhà máy.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty được thông suốt, kịp thời và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, trong năm 2015, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết liên quan đến các vấn đề quan trọng của Công ty.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
1	04/NQ-HĐQT	06/5/2015	<p>Nghị quyết HĐQT về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2014, đã được kiểm toán để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014, để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 - Giao Ban điều hành tiếp tục rà soát, xây dựng lại Kế hoạch SXKD năm 2015 (trong đó có kế hoạch sửa chữa lớn 2015) trên cơ sở giá bán bình quân của 4 tháng đầu năm 2015 và mặt bằng giá thị trường hiện tại để xây dựng giá bán bình quân cả năm, tiết giảm chi phí sửa chữa lớn, để đảm bảo kết quả SXKD năm 2015 có lợi nhuận để bù đắp khoản lỗ của năm 2014 và đủ nguồn để chia cổ tức năm 2015 cho cổ đông, hoàn tất báo cáo trình HĐQT trước ngày 11/5/2015 để HĐQT xem xét trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên. - Thông qua Tờ trình của Tổng Giám đốc về việc phê duyệt các khoản đã chi từ quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty với tổng số tiền 432.544.445 đồng (<i>Bốn trăm ba hai triệu, năm trăm bốn bốn ngàn, bốn trăm bốn lăm đồng</i>). - Thống nhất chủ trương sản xuất phân vi sinh từ nguồn phụ phẩm Bã Bùn để tạo ra nguồn phân bón với giá cả hợp lý để bán ưu đãi cho hộ nông dân trồng mía, nhằm tăng hiệu quả của công tác đầu tư phát triển vùng Nguyên liệu. Giao Ban điều hành tiến hành lập Dự toán trình HĐQT xem xét quyết định. - HĐQT quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 vào ngày 23/5/2014. Giao Ban Tổng giám đốc chuẩn bị các thủ tục, hồ sơ Đại hội theo đúng quy định hiện hành.
2	09/QĐ-HĐQT	08/6/2015	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn 2015.
3	10/NQ-HĐQT	09/6/2015	Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc tuyển dụng và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc thường trực (Ông Nguyễn Xuân Minh).
4	11/QĐ-HĐQT	10/6/2015	Quyết định của HĐQT về việc tuyển dụng và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc thường trực đối với Ông Nguyễn Xuân Minh.
5	15/NQ-HĐQT	03/7/2015	<p>Nghị quyết của HĐQT về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2013-2018, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Ông Đặng Việt Anh, giữ chức Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Kon Tum. + Ông Ông Lê Hồng Thái, giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Kon Tum. - Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Ban Điều hành và cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty và chấm dứt Hợp đồng lao động đối với Ông Phạm Đình Mạnh Thu, kể từ ngày 03/7/2015. + Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty và chấm dứt Hợp đồng lao động đối với Ông Trịnh Văn Xuân, kể từ ngày 03/7/2015. + Bổ nhiệm Ông Nguyễn Xuân Minh giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty, kể từ ngày 03/7/2015. - Về cơ cấu tổ chức bộ máy và bổ nhiệm cán bộ quản lý: <ul style="list-style-type: none"> + Thống nhất Giải thể phòng Kỹ thuật – Chất lượng sản phẩm; Giải thể phòng KCSM - Môi trường.

- + Thống nhất Thành lập Phòng Kỹ thuật – KCS - Môi trường; Thành lập Nhà máy Đường trực thuộc Công ty.
- + Thống nhất Thành lập Phân xưởng sản xuất và khảo nghiệm các loại phân bón, thuộc Phòng Nông vụ.
- + Ông Lưu Minh Trinh – giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- + Bổ nhiệm lại Ông Hồ Minh Tường – giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty;
- + Bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Sỹ Hà – giữ chức vụ Trưởng phòng TCHC Công ty;
- + Bổ nhiệm lại Ông Phạm Công Thành – giữ chức vụ Trưởng phòng KHKD - TH.
- + Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thắng, nguyên Phó phòng, phụ trách phòng KCS – Môi trường, giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Đường.
- + Bổ nhiệm Ông Đặng Thanh Minh nguyên Phó ca sản xuất, giữ chức vụ Phó phòng, phụ trách Phòng Kỹ thuật – KCS – Môi trường.
- + Phê duyệt danh sách cấp phó các Phòng, Đơn vị thuộc Công ty để Tổng Giám đốc quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, gồm các Ông/Bà có tên sau:
 1. Ông Nguyễn Đức Cẩn – Bổ nhiệm lại Phó phòng TCHC&Nhân sự;
 2. Ông Trần Trường Giang – Bổ nhiệm lại Phó phòng Kế toán;
 3. Ông Nguyễn Ngọc Chương – Bổ nhiệm lại Phó phòng Nông vụ;
 4. Ông Nguyễn Văn Nhương – Bổ nhiệm lại Phó phòng Nông vụ;
 5. Ông Nguyễn Diên Tư – Bổ nhiệm lại Phó phòng Nông vụ.
 6. Ông Nguyễn Hoàng Sâm, nguyên nhân viên phòng KCS - Môi trường, bổ nhiệm giữ chức Phó phòng Kỹ thuật – KCS - Môi trường.
 7. Ông Lê Văn Ánh, nguyên Trưởng ca sản xuất, bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Nhà máy Đường.
- HĐQT giao Ban Tổng Giám đốc Công ty:
 - + Tổ chức triển khai thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đề ra.
 - + Rà soát lại các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và báo cáo HĐQT xem xét sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
 - + Triển khai thực hiện tốt công tác Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu đáp ứng đủ nguyên liệu cho Nhà máy hoạt động theo kế hoạch năm 2015 và định hướng phát triển của Công ty.
 - + Triển khai thực hiện tốt công tác tu bổ, sửa chữa lớn năm 2015, đảm bảo vụ ép 2015-2016 đạt hiệu quả cao nhất.
 - + Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định của Công ty niêm yết; công bố thông tin với cơ quan hữu quan và báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của HĐQT, BKS.

Nghị quyết của HĐQT về:

6 38/NQ-
HĐQT 03/8/2015

- Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được sửa đổi bổ sung, với 21 Chương, 52 Điều thay thế cho Điều lệ của Công ty ban hành theo quyết định số 04/QĐ-HĐQT, ngày 25 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị giao Thư ký HĐQT hoàn thiện lại bố cục của Điều lệ và chuẩn bị các thủ tục để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ.
- Thông qua Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả sản xuất kinh doanh tài chính 6 tháng đầu năm 2015.
- Thông qua các Báo cáo của Ban Điều hành về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐQT về cơ cấu tổ chức lại bộ máy quản lý của Công ty; về tình hình triển khai thực hiện công tác tu bổ sửa chữa lớn năm 2015; về thực trạng và định hướng đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía.
- Thông qua Tờ trình của Tổng Giám đốc Công ty về việc phê duyệt chính sách đầu tư phát triển vùng Nguyên liệu mía.
- Thống nhất giao khoán đơn giá tiền lương năm 2016 cho CB.CNV là 900.000 đồng/tấn sản phẩm đường.

7	39/QĐ- HĐQT	07/08/201 5	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt chính sách đầu tư phát triển vùng Nguyên liệu.
8	41/NQ- HĐQT	15/10/201 5	<p>Nghị quyết của HĐQT về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các Quy chế nội bộ của Công ty, gồm: Quy chế tổ chức bộ máy của Công ty; Quy chế trả lương của Công ty; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế tài chính; Quy chế mua sắm hàng hóa. - Thông qua Phương án định biên lao động vụ ép 2015-2016, với tổng số lao động toàn Công ty là 251 người, trong đó lao động có ký Hợp đồng từ 12 tháng trở lên là 235 người, lao động hợp đồng thời vụ là 16 người. Giao Tổng Giám đốc phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị, cá nhân trong Công ty đảm bảo đúng người, đúng việc và đảm bảo năng suất lao động. - Thông qua Tờ trình số 360/TTr-KTS ngày 01/10/2015 của Tổng Giám đốc Công ty về việc phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật SXKD vụ ép 2015-2016. Hội đồng quản trị ủy quyền Chủ tịch HĐQT ký quyết định ban hành. - Thông qua Tờ trình số 372/TTr-KTS, ngày 08/10/2015 của Tổng Giám đốc Công ty về giá mua mía vụ 2015-2016. Cụ thể: Giá thu mua mía đầu tư trong vùng tại ruộng bình quân cả vụ là 850 đồng/kg; giá thu mua mía ngoài vùng bình quân cả vụ là 1.050 đồng/kg tại bàn cân Nhà máy. Giao Tổng Giám đốc quyết định giá mua mía theo từng thời điểm, tùy theo diễn biến của Thị trường nhưng bình quân không được quá mức nêu trên. - Thông qua một số chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch sản xuất vụ 2015-2016: <p>Thời gian vào vụ dự kiến: Ngày phát phiếu đốn: 12/11/2015; Ngày ép mía: 17/11/2015.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sản lượng mía đưa vào ép: 180.000 tấn (mía xô). + Tỷ lệ tạp chất: 2,9 % + Tỷ lệ tiêu hao mía/đường: 9,15 + Đơn giá tiền lương năm 2016: 900.000 đồng/tấn. <p>Giao Tổng Giám đốc tổ chức rà soát lại chi phí vận chuyển và các khoản chi phí khác để tính toán cụ thể chi tiết kế hoạch SXKD vụ 2015-2016 và vụ 2016-2017 trình HĐQT xem xét phê duyệt. Đồng thời chủ động tính toán thời gian, phương thức tổ chức đốn chặt, thu mua, sản xuất chế biến hợp lý, đặc biệt là trước và sau Tết Nguyên đán để nâng cao hiệu suất thu hồi cho Nhà máy.</p>
9	42/QĐ- HĐQT	16/10/201 5	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật vụ ép 2015-2016
10	43/QĐ- HĐQT	16/10/201 5	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt cơ cấu tổ chức bộ máy và định biên lao động của Công ty.
11	48/QĐ- HĐQT	20/10/201 5	Quyết định của HĐQT về việc Ban hành Quy chế trả lương của Công ty
12	49/QĐ- HĐQT	20/10/201 5	Quyết định của HĐQT về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ
13	50/QĐ- HĐQT	20/10/201 5	Quyết định của HĐQT về việc Ban hành Quy chế tài chính
14	51/QĐ- HĐQT	20/10/201 5	Quyết định của HĐQT về việc Ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa.
15	58/QĐ- HĐQT	28/10/201 5	Quyết định của HĐQT về việc Ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung.
16	74/QĐ- HĐQT	31/12/201 5	Quyết định của HĐQT về việc Phê duyệt Quỹ lương năm 2015 cho CBCN-LĐ.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không có

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2015

Năm 2015 Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Giám sát công tác quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban TGD và hoạt động SXKD của Công ty;
- Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Rà soát, kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện thiếu sót hoặc rủi ro tiềm ẩn, cảnh báo sớm và kiến nghị HĐQT, Ban TGD các giải pháp khắc phục.
- Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính quý và năm .
- Tham gia các cuộc họp HĐQT mở rộng.
- Báo cáo đánh giá lên HĐQT và tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình quản trị, điều hành và tổ chức hoạt động của Công ty.

Kế hoạch hoạt động 6 tháng đầu năm 2016 và năm 2016 – 2017 của Ban Kiểm soát

Sáu tháng đầu năm 2016 và năm 2016-2017 Ban Kiểm soát duy trì công tác kiểm soát thường xuyên và định kỳ hàng quý theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát với mục tiêu chung là giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty, giám sát hoạt động quản trị và điều hành, đồng thời phối hợp hoạt động với HĐQT, Ban TGD và cổ đông.

Nhiệm vụ cụ thể

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT
- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư nguyên liệu mía và giá thành sản phẩm.
- Kiểm tra việc mua nguyên vật liệu và bán sản phẩm.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý và năm.
- Các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

**GIAO DỊCH, THÙ LAO,
LƯƠNG, THƯỜNG VÀ
CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA
HĐQT, BKS VÀ BTGD**

STT	Họ và tên	Lương	Thù Lao	Thường
I	Hội đồng quản trị			
1	Đặng Việt Anh		54.000.000	8.333.334
2	Lê Hồng Thái		24.000.000	555.556
3	Nguyễn Xuân Minh	157.039.971	24.000.000	2.500.000
4	Trần Ngọc Hiếu		24.000.000	555.556
II	Ban kiểm soát			
1	Trần Thị Nhi		24.000.000	555.556
2	Nguyễn Thị Thủy		12.000.000	555.556
3	Nguyễn Ngọc Hoài Phương	119.013.226	24.000.000	1.500.000
III	Ban Tổng Giám đốc			
1	Nguyễn Xuân Minh			
2	Hồ Minh Tường	182.421.863		2.500.000
	Tổng cộng	458.475.060	186.000.000	17.055.558

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ: Không có
Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có



BÁO CÁO TÀI CHÍNH





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 284/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đường Kon Tum

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20/03/2016, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác


Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 136/2015/UHY ACA - BCTC ngày 31/03/2015 về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC


Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2016


Ngô Thị Kim Anh – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1100-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.163.165.001	96.947.368.846
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		57.794.457.864	13.120.211.415
1. Tiền	111	5	1.894.457.864	1.120.211.415
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	55.900.000.000	12.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.811.876.150	26.094.506.424
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	30.630.920.000	4.147.077.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	12.605.079.290	17.692.632.623
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	3.140.000.000	3.170.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.680.431.495	2.173.915.228
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(6.244.554.635)	(1.089.118.427)
IV. Hàng tồn kho	140	12	9.505.712.657	57.564.712.835
1. Hàng tồn kho	141		9.505.712.657	57.564.712.835
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		51.118.330	167.938.172
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17b	51.118.330	167.938.172
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.008.220.035	42.854.241.399
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	24.708.602
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	24.708.602
II. Tài sản cố định	220		41.307.775.025	36.587.659.374
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	39.978.934.568	35.202.868.729
- Nguyên giá	222		167.145.491.846	158.210.815.846
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(127.166.557.278)	(123.007.947.117)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.328.840.457	1.384.790.645
- Nguyên giá	228		1.912.794.286	1.895.794.286
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(583.953.829)	(511.003.641)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	678.137.273
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	678.137.273
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.700.445.010	5.563.736.150
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	3.700.445.010	5.563.736.150
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		154.171.385.036	139.801.610.245

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.588.532.898	24.709.003.049
I. Nợ ngắn hạn	310		24.588.532.898	24.682.294.447
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	18.913.577.232	23.020.101.724
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		563.897.050	229.564.350
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17a	3.437.270.442	481.866.771
4. Phải trả người lao động	314		1.032.893.000	95.488.246
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		722	1.125
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	418.200.000	449.700.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	1.000.000	1.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		221.694.452	404.572.231
II. Nợ dài hạn	330		-	26.708.602
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	24.708.602
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	2.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		129.582.852.138	115.092.607.196
I. Vốn chủ sở hữu	410		129.582.763.956	115.092.519.014
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	2.609.812.512	2.609.812.512
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	18.674.216.181	18.674.216.181
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	20	4.626.045.950	4.626.045.950
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	52.972.689.313	38.482.444.371
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30.877.444.371	41.760.843.238
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.095.244.942	(3.278.398.867)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		88.182	88.182
1. Nguồn kinh phí	431		88.182	88.182
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		154.171.385.036	139.801.610.245



Nguyễn Xuân Minh

Kon Tum, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Hồ Minh Tường

Người lập biểu

Phan Dạ Uyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	293.249.987.225	190.855.242.931
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	298.890.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		292.951.097.225	190.855.242.931
4. Giá vốn hàng bán	11	23	255.049.765.426	182.838.354.356
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>37.901.331.799</u>	<u>8.016.888.575</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.955.947.878	264.560.366
7. Chi phí tài chính	22	25	1.926.356.395	2.057.215.108
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>1.926.356.395</i>	<i>2.057.215.108</i>
8. Chi phí bán hàng	25	26a	2.626.530.908	2.095.367.369
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26b	13.037.970.125	7.979.809.486
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>23.266.422.249</u>	<u>(3.850.943.022)</u>
11. Thu nhập khác	31	27	395.232.954	1.151.368.575
12. Chi phí khác	32	28	553.157.084	566.868.082
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(157.924.130)</u>	<u>584.500.493</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>23.108.498.119</u>	<u>(3.266.442.529)</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	116.819.842	11.956.338
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>22.991.678.277</u>	<u>(3.278.398.867)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	4.535	(647)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	4.535	(647)



Nguyễn Xuân Minh

Kon Tum, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Hồ Minh Tường

Người lập biểu

Phan Dạ Uyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuuyết số minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	266.801.586.925	177.561.128.701
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(190.332.078.892)	(161.165.659.649)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(18.060.135.861)	(18.564.913.516)
4. Tiền lãi vay đã trả	04 26	(1.926.356.395)	(2.057.215.350)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(2.354.669.968)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.633.585.039	29.622.074.020
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.234.737.841)	(49.886.582.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	55.881.862.975	(26.845.837.922)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(6.434.628.437)	(2.717.955.773)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(28.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	30.000.000	49.525.169.290
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 25	2.802.011.911	368.264.253
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.602.616.526)	19.175.477.770
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33 19	197.157.760.612	129.847.699.450
2. Tiền trả nợ gốc vay	34 19	(197.157.760.612)	(129.847.699.450)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 20	(7.605.000.000)	(7.604.999.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.605.000.000)	(7.604.999.999)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	44.674.246.449	(15.275.360.151)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5,6	13.120.211.415	28.395.571.566
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5,6	57.794.457.864	13.120.211.415



Nguyễn Xuân Minh

Kon Tum, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Hồ Minh Tường

Người lập biểu

Phan Dạ Uyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Kon Tum) theo quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMĐN ngày 12/05/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3803000111 ngày 27/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 6100228104), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/11/2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 50.700.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2015: 50.700.000.000 đồng.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 24/10/2010 với mã chứng khoán là KTS. Ngày giao dịch đầu tiên là 31/12/2010.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất và kinh doanh đường.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đường;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây mía;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Sản xuất bao bì; Lắp đặt máy móc, thiết bị; Gia công, sản xuất các sản phẩm cơ khí.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 36) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	7 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 8

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm quản lý	8
Tài sản cố định vô hình khác	20

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay phải trả (được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay).

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính phát sinh của công ty là chi phí lãi vay.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất 5% đối với mặt hàng đường, phụ phẩm trong sản xuất đường;
 - ✓ Các mặt hàng còn lại áp dụng theo mức thuế suất quy định.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Hoạt động sản xuất đường là hoạt động chế biến nông sản phát sinh tại địa bàn Tỉnh Kon Tum thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	80.213.596	81.610.002
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.814.244.268	1.038.601.413
Cộng	1.894.457.864	1.120.211.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	54.900.000.000	12.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	1.000.000.000	-
Cộng	55.900.000.000	12.000.000.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Kim Hà Việt	12.240.000.000	-
Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	10.230.920.000	1.897.077.000
Công Ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	8.160.000.000	-
Tổng Công ty Mía Đường II	-	2.250.000.000
Cộng	30.630.920.000	4.147.077.000

8. Trả trước ngắn hạn cho người bán

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH SXCN & TM Hoàng Việt Lan	-	730.371.000
Công ty CP Công Nghiệp Hiệp Thành	-	891.000.000
Ngô Ngọc Cảnh	528.885.500	281.543.500
Trần Đình Hân	525.138.451	288.745.200
Nguyễn Đình Dương	487.572.000	487.572.000
Các đối tượng khác	11.063.483.339	15.013.400.923
Cộng	12.605.079.290	17.692.632.623

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Kiên Giang	500.000.000	500.000.000
Công ty CP XD GT Thủy lợi Kiên Giang	450.000.000	450.000.000
Công ty CP Bắc Trung Bộ	190.000.000	220.000.000
Công ty CP Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	3.140.000.000	3.170.000.000

Các khoản đầu tư này được gia hạn trả nợ của Hội đồng quản trị Công ty đến ngày 31/12/2014 và áp dụng lãi suất cho các Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang, Công ty Cổ phần Xây dựng Giao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

thông Thủy lợi Kiên Giang, Công ty Cổ phần Nhựa Trường Thịnh là 0% từ ngày 01/03/2014. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/NQ-HĐQT ngày 06/05/2015 đã thống nhất thực hiện không tính lãi đối với khoản nợ của Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ kể từ ngày 01/01/2015.

10. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi cho vay	605.163.456	429.449.713	451.227.489	-
Phải thu người lao động	1.073.464.039	-	1.694.201.025	-
Tạm ứng	1.804.000	-	28.486.714	-
Cộng	1.680.431.495	429.449.713	2.173.915.228	-

11. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
- Trên 3 năm	2.345.435.136	1.033.061.302
- Từ 2 đến dưới 3 năm	1.656.190.440	20.122.226
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	1.453.708.908	35.934.899
- Các đối tượng không có khả năng thanh toán	789.220.151	-
Cộng	6.244.554.635	1.089.118.427

12. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.478.113.128	-	2.186.708.953	-
Công cụ, dụng cụ	4.039.854.476	-	4.398.752.476	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.906.696.802	-	4.056.744.061	-
Thành phẩm	316.509.354	-	45.422.381.521	-
Hàng hóa	764.538.897	-	1.500.125.824	-
Cộng	9.505.712.657	-	57.564.712.835	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng/khó/chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2015.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	48.302.790.808	106.200.198.519	3.252.326.304	455.500.215	158.210.815.846
Đ/tr XDCB h/thành	-	8.933.272.611	1.403.389	-	8.934.676.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	48.302.790.808	115.133.471.130	3.253.729.693	455.500.215	167.145.491.846
Khấu hao					
Số đầu năm	39.665.865.118	81.000.858.673	2.093.174.826	248.048.500	123.007.947.117
Khấu hao trong kỳ	749.905.085	3.144.889.785	219.805.291	44.010.000	4.158.610.161
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	40.415.770.203	84.145.748.458	2.312.980.117	292.058.500	127.166.557.278
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8.636.925.690	25.199.339.846	1.159.151.478	207.451.715	35.202.868.729
Số cuối kỳ	7.887.020.605	30.987.722.672	940.749.576	163.441.715	39.978.934.568

- Không có TSCĐ hữu hình mang đi thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2015.
- Nguyên giá TSCĐHH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 85.206.125.306 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.180.000.000	572.080.000	143.714.286	1.895.794.286
Mua trong năm	-	17.000.000	-	17.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.180.000.000	589.080.000	143.714.286	1.912.794.286
Khấu hao				
Số đầu năm	-	506.492.609	4.511.032	511.003.641
Khấu hao trong kỳ	-	65.764.474	7.185.714	72.950.188
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	572.257.083	11.696.746	583.953.829
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.180.000.000	65.587.391	139.203.254	1.384.790.645
Số cuối năm	1.180.000.000	16.822.917	132.017.540	1.328.840.457

- Quyền sử dụng đất tại Khu dân cư Hòa Thọ, Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng. Thời hạn sử dụng lâu dài, dự kiến để xây kho chứa hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Không có TSCĐ vô hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2015.
- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	191.174.139	122.561.515
Chi phí mua bảo hiểm	128.357.809	135.995.319
Chi phí sửa chữa lớn	3.268.816.976	4.975.855.457
Chi phí CCDC chuyển sang từ TSCĐ	112.096.086	329.323.859
Cộng	3.700.445.010	5.563.736.150

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Trịnh Văn Việt	73.555.900	1.016.617.604
Ngô Văn Phòng	545.258.707	1.018.213.208
Đoàn Minh Thiên	417.835.878	855.135.980
Nguyễn Hữu Trung	1.283.276.246	-
Các đối tượng khác	16.593.650.501	20.130.134.932
Cộng	18.913.577.232	23.020.101.724

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	420.729.076	11.470.350.105	8.803.655.407	3.087.423.774
Thuế thu nhập cá nhân	2.676.554	421.327.048	132.002.472	292.001.130
Thuế tài nguyên	58.461.141	189.866.923	190.482.526	57.845.538
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	105.091.600	105.091.600	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	481.866.771	12.189.635.676	9.234.232.005	3.437.270.442

b. Phải thu

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	167.938.172	116.819.842	-	51.118.330
Cộng	167.938.172	116.819.842	-	51.118.330

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Phải trả tiền cước cáp, thẻ chân xe	418.200.000	449.700.000
Cộng	418.200.000	449.700.000

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	1.000.000	197.157.760.612	197.157.760.612	1.000.000
- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kon Tum	1.000.000	197.107.518.112	197.107.518.112	1.000.000
- NH TMCP Công thương Việt Nam - CN. Kon Tum	-	50.242.500	50.242.500	-
Cộng	1.000.000	197.157.760.612	197.157.760.612	1.000.000

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	50.700.000.000	2.609.812.512	3.900.000.000	14.262.748.927	3.900.000.000	52.308.775.467
Tăng trong năm	-	-	659.685.950	-	859.685.950	-3.278.398.867
Giảm trong năm	-	-	148.218.696	-	133.640.000	10.547.932.229
Số dư tại 31/12/2014	<u>50.700.000.000</u>	<u>2.609.812.512</u>	<u>4.411.467.254</u>	<u>14.262.748.927</u>	<u>4.626.045.950</u>	<u>38.482.444.371</u>
Chuyển số dư (*)	-	-	(4.411.467.254)	4.411.467.254	-	-
Số dư tại 01/01/2015	50.700.000.000	2.609.812.512	-	18.674.216.181	4.626.045.950	38.482.444.371
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	22.991.678.277
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	8.501.433.335
Số dư tại 31/12/2015	<u>50.700.000.000</u>	<u>2.609.812.512</u>	<u>-</u>	<u>18.674.216.181</u>	<u>4.626.045.950</u>	<u>52.972.689.313</u>

(*) Số dư Quỹ dự phòng tài chính năm trước đã được chuyển sang Quỹ đầu tư phát triển theo Quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.070.000	5.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.070.000	5.070.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.070.000	5.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Cổ tức

Ngày 25/11/2015, Công ty đã có quyết định chi trả cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện 15%/cổ phiếu tương đương 1.500 đồng/cổ phiếu.

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	38.482.444.371	52.308.775.467
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	22.991.678.277	(3.278.398.867)
Phân phối lợi nhuận	8.501.433.335	10.547.932.229
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	7.605.000.000	10.547.932.229
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	659.685.950
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	1.423.560.330
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	859.685.950
- Trả cổ tức	7.605.000.000	7.604.999.999
Phân phối lợi nhuận kỳ này (**)	896.433.335	-
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	896.433.335	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	<u>52.972.689.313</u>	<u>38.482.444.371</u>

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 03/07/2015 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với tỷ lệ 15% vốn điều lệ

(**) Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 căn cứ vào Nghị quyết 15/2015/NQ-HĐQT ngày 03/07/2015 và các Tờ trình số 337/TTr – KTS ngày 25/08/2015, tờ trình số 476/TTr – KTS ngày 13/11/2015, 349/TTr - KTS ngày 21/09/2015 và 570/ TTr-KTS ngày 25/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán đường	273.934.421.242	174.974.653.351
Doanh thu bán mặt	10.678.998.095	7.729.302.860
Doanh thu bán bã bùn	1.224.659.145	932.212.906
Doanh thu bán phân bón	6.815.217.640	6.779.964.298
Doanh thu khác	596.691.103	439.109.516
Cộng	293.249.987.225	190.855.242.931

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Hàng bán bị trả lại	298.890.000	-
Cộng	298.890.000	-

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn bán đường	235.224.294.246	167.080.970.236
Giá vốn bán mặt	10.737.348.930	7.560.692.959
Giá vốn bán bã bùn	1.190.864.477	932.212.906
Giá vốn bán phân bón	6.551.758.726	6.773.157.917
Giá vốn khác	1.345.499.047	491.320.338
Cộng	255.049.765.426	182.838.354.356

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.933.481.211	264.560.366
Lãi trả chậm	22.466.667	-
Cộng	2.955.947.878	264.560.366

25. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	1.926.356.395	2.057.215.108
Cộng	1.926.356.395	2.057.215.108

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân viên bán hàng	770.059.308	925.648.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.716.155.145	956.461.084
Chi phí khác	140.316.455	213.257.926
Cộng	2.626.530.908	2.095.367.369

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân viên quản lý	5.127.488.709	5.222.494.998
Chi phí dự phòng	5.155.436.208	15.898.309
Chi phí khác	2.755.045.208	2.741.416.179
Cộng	13.037.970.125	7.979.809.486

27. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	174.725.010
Tiền thuê đất được giảm	-	52.499.605
Thanh lý công cụ dụng cụ	27.545.452	8.454.544
Các khoản khác	367.687.502	915.689.416
Cộng	395.232.954	1.151.368.575

28. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	252.000.000	299.000.000
Các khoản bị phạt	-	150.000.000
Các khoản khác	301.157.084	117.868.082
Cộng	553.157.084	566.868.082

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.108.498.119	(3.266.442.529)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.342.377.235	566.868.082
Điều chỉnh tăng	1.342.377.235	566.868.082
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	252.000.000	299.000.000
- Trích lập dự phòng nợ khó đòi đầu tư vùng nguyên liệu mía và đầu tư vào đơn vị khác	789.220.151	-
- Các chi phí khác	301.157.084	267.868.082
Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập được miễn thuế	23.919.876.070	-
Tổng thu nhập chịu thuế	530.999.284	(2.699.574.447)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	116.819.842	11.956.338
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	116.819.842	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	11.956.338

30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.991.678.277	(3.278.398.867)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.991.678.277	(3.278.398.867)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.070.000	5.070.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.535	(647)

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 được tính mà chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHCĐ thường niên không quy định tỷ lệ trích các quỹ này. Ban điều hành thường căn cứ vào kết quả kinh doanh cuối năm, dự kiến mức trích và trình ĐHCĐ gần nhất phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	178.569.183.058	164.647.559.065
Chi phí nhân công	19.636.653.829	18.795.620.036
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.231.560.349	3.705.668.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.394.457.592	1.395.323.135
Chi phí khác bằng tiền	2.387.486.864	1.372.315.298
Cộng	213.219.341.692	189.916.485.835

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh đường và các phụ phẩm trong sản xuất đường từ mía và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá hàng hóa, nguyên liệu.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay ngắn hạn đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu

Công ty mua hàng hóa, nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào. Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về giá nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty đã ứng trước cho nông dân vật tư, phân bón để đầu tư vào vùng nguyên liệu mía, sau đó Công ty sẽ thu mua lại mía nguyên liệu này theo giá mía thông báo của Công ty tại thời điểm mua. Với mặt hàng phân bón, công ty mua và cung cấp cho nông dân trồng mía, do đó giá mua và giá bán mặt hàng này xấp xỉ nhau. Với chính sách quản lý về giá trên, Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa, nguyên vật liệu ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tài chính là một số khoản nợ phải thu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng chính sách bán hàng và thu hồi công nợ áp dụng cho các nhà phân phối. Với những khách hàng mới, Công ty tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính và thanh toán của khách hàng từ đó xác định bán tín chấp hay thanh toán trước tiền hàng. Ngoài ra, giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn thanh toán cũng như quá hạn để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	18.913.577.232	-	18.913.577.232
Chi phí phải trả	722	-	722
Vay và nợ thuê tài chính	1.000.000	-	1.000.000
Phải trả khác	418.200.000	-	418.200.000
Cộng	19.332.777.954	-	19.332.777.954
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	23.020.101.724	24.708.602	23.044.810.326
Chi phí phải trả	1.125	-	1.125
Vay và nợ thuê tài chính	1.000.000	-	1.000.000
Phải trả khác	449.700.000	2.000.000	451.700.000
Cộng	23.470.802.849	26.708.602	23.497.511.451

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2015</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.794.457.864	-	57.794.457.864
Phải thu khách hàng	30.630.920.000	-	30.630.920.000
Phải thu về cho vay	-	-	-
Phải thu khác	175.713.743	-	175.713.743
Cộng	88.601.091.607	-	88.601.091.607

<u>01/01/2015</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.120.211.415	-	13.120.211.415
Phải thu khách hàng	4.147.077.000	-	4.147.077.000
Phải thu về cho vay	3.170.000.000	-	3.170.000.000
Phải thu khác	451.227.489	-	451.227.489
Cộng	20.888.515.904	-	20.888.515.904

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH Kim Hà Việt

Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	<u>Giao dịch</u>	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Bán hàng	47.190.937.138	11.168.433.336

c. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Khoản mục</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Phải thu khách hàng	12.240.000.000	-
Cộng		12.240.000.000	-

d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	631.581.273	1.005.423.822
Thù lao Hội đồng quản trị	244.000.000	253.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi công ty kiểm toán khác. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập BCTC tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	01/01/2015	01/01/2015 (Trình bày lại)
Đầu tư ngắn hạn khác	3.170.000.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	3.170.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.145.428.514	2.173.915.228
Tạm ứng	28.486.714	-
Quỹ đầu tư phát triển	14.262.748.927	18.674.216.181
Quỹ dự phòng tài chính	4.411.467.254	-

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2014 (Trình bày lại)
Thu nhập khác	1.250.052.656	1.151.368.575
Chi phí khác	665.552.163	566.868.082



Nguyễn Xuân Minh

Kon Tum, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Hồ Minh Tường

Người lập biểu

Phan Dạ Uyên



XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT